

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH BẮC KẠN



BÁO CÁO ĐỀ TÀI

**TÌNH HÌNH THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI,
BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP
CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

Đơn vị chủ trì: Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Kạn
Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Quốc Doanh

Bắc Kạn, Năm 2016

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH BẮC KẠN



ĐỀ TÀI KHOA HỌC

**TÌNH HÌNH THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI,
BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG
TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Quốc Doanh

Đơn vị chủ trì: Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Kạn

Bắc Kạn, Năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI CẤP CƠ SỞ

1. **Tên đề tài:** Tình hình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động tại các doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn - Thực trạng và giải pháp.
2. **Cơ quan chủ trì đề tài:** Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Kạn.
3. **Cơ quan quản lý đề tài:** Viện khoa học Bảo hiểm xã hội.
4. **Chủ nhiệm đề tài:** Nguyễn Quốc Doanh.
5. **Thư ký đề tài:** Phạm Thị Kim Anh.
6. **Danh sách nghiên cứu viên:**
 - Lê Thị Thủy.
 - Hoàng Văn Quốc.
 - Nông Thị Phượng.
7. **Thời gian thực hiện đề tài:** Từ tháng 8 năm 2016 đến tháng 12 năm 2016.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
1. Sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài.....	3
3. Mục tiêu nghiên cứu	5
4. Đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu	5
5. Dự kiến những đóng góp về mặt khoa học và thực tiễn của Đề tài	6
6. Ý nghĩa của Đề tài.....	6
7. Kết cấu của Đề tài	7
CHƯƠNG I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VIỆC THAM GIA BHXH, BHYT, BHTN CHO NLĐ TẠI CÁC DN NGOÀI NHÀ NƯỚC	8
1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của DN ngoài nhà nước trong nền kinh tế của Việt Nam.	8
1.1.1. Khái niệm	8
1.1.2. Đặc điểm	8
1.1.3. Vị trí, vai trò của DN.....	10
1.2. Khái quát về BHXH, BHYT, BHTN.....	12
1.2.1. Khái niệm	12
1.2.2. Vai trò của chính sách BHXH, BHYT, BHTN	14
1.3. Quy định về tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN ngoài nhà nước	19
1.3.1. Đối tượng	19
1.3.2. Tỷ lệ đóng BHXH, BHYT, BHTN	19
1.3.3. Mức tiền lương đóng BHXH, BHYT, BHTN:.....	20
- Tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN là tiền lương ghi trong HĐLĐ.....	20
1.3.4. Phương thức đóng BHXH, BHYT, BHTN:	20
1.3.5. Các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật BHXH, BHYT, BHTN	21
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN và dự báo các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	22
1.4.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....	22

1.4.2. Chính sách pháp luật về tiền lương, chế độ BHXH, BHYT, BHTN	23
1.4.3. Về quy định về xử phạt vi phạm Luật BHXH, BHYT, BHTN	24
1.4.4. Công tác tuyên truyền về hệ thống pháp luật và quy định BHXH, BHYT, BHTN	25
1.4.5. Đội ngũ cán bộ BHXH tỉnh Bắc Kạn	27
CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH THAM GIA BHXH,	30
2.1. Khái quát đặc điểm tình hình tỉnh Bắc Kạn	30
2.1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên	30
2.1.2. Một số khó khăn của tỉnh Bắc Kạn	31
2.2. Tình hình các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	32
2.2.1. Thực trạng quản lý DN và người lao động tại các DN của các cơ quan liên quan	32
2.2.2. Thực trạng đăng ký tham gia và đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN của các DN	37
2.2.3. Đánh giá chung về thực trạng tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	43
2.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	51
CHƯƠNG III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO TỶ LỆ ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHXH, BHYT, BHTN TẠI CÁC DN NGOÀI NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN	56
3.1. Một số giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN ngoài nhà nước	56
3.1.1. Công tác tuyên truyền về BHXH, BHYT, BHTN	56
3.1.2. Công tác mở rộng phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại doanh nghiệp	59
3.1.3. Các giải pháp quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN đối với DN	61
3.1.4. Về cải cách thủ tục hành chính trong thực hiện BHXH, BHYT, BHTN	63
3.1.5. Sự phối hợp giữa các Sở, ngành với cơ quan BHXH	64
3.1.6. Giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức và hành chính về quản lý thu đối với doanh nghiệp	65
3.1.7. Giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và NLĐ phát triển	69
3.1.8. Giải pháp thành lập các tổ chức cơ sở đảng, công đoàn trong DN	71
3.2. Một số kiến nghị	71

3.2.1. Đối với Chính phủ, và các Bộ, Ngành	71
3.2.2. Kiến nghị với UBND tỉnh Bắc Kạn	72
3.2.3. Đối với BHXH Việt Nam.....	73
KẾT LUẬN.....	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	77

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

1. BHXH: Bảo hiểm xã hội
2. BHYT: Bảo hiểm y tế
3. BHTN: Bảo hiểm thất nghiệp
4. DN: Doanh nghiệp
5. NLĐ: Người lao động
6. UBND: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG BIỂU

- 1) Bảng 2.1. Thống kê số liệu đăng ký kinh doanh của các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
- 2) Bảng 2.2. Bảng cơ cấu DN, gia tăng số vốn, số lao động theo đăng ký kinh doanh
- 3) Bảng 2.3. Thống kê số liệu đăng ký, thực hiện nghĩa vụ thuế của các doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
- 4) Bảng 2.4. So sánh số liệu DN đăng ký kinh doanh và giải thể, phá sản với DN đăng ký thực hiện nghĩa vụ thuế
- 5) Bảng 2.5. Số đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại các doanh nghiệp (từ 2014 - 2016)
- 6) Bảng 2.6. Số DN tham gia BHXH, BHYT, BHTN (2014-2016)
- 7) Bảng 2.7: Số liệu so sánh về đơn vị tham gia BHXH, BHYT, BHTN
- 8) Bảng 2.8. Số thu BHXH, BHYT, BHTN của các DN (2014 - 2016)
- 9) Bảng 2.9. Số nợ BHXH, BHYT, BHTN của các DN (từ 2014 - 2016)

LỜI MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Bảo đảm an sinh xã hội là một trong những nhiệm vụ quan trọng được Đảng và Nhà nước ta thường xuyên quan tâm thực hiện, nhất là trong tình hình hiện nay, khi mà nền kinh tế nước ta đang bị tác động bởi cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH) và chính sách bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) giữ vai trò quan trọng hàng đầu, là chính sách xã hội mang ý nghĩa nhân đạo sâu sắc và có tính chia sẻ cộng đồng, thể hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước với mục tiêu vì con người, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012 - 2020, đã khẳng định chắc chắn quan điểm của Đảng coi *“Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế là hai chính sách xã hội quan trọng, là trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội và phát triển kinh tế - xã hội”*

Chính sách BHXH được thực hiện ở nước ta ngay từ những ngày đầu thành lập nước. Ngày 01/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 54/1945/SL quy định điều kiện cho công chức, viên chức Nhà nước hưởng chế độ hưu trí. Từ đó đến nay, chính sách BHXH không ngừng được sửa đổi, bổ sung phù hợp với từng thời kỳ phát triển của đất nước, góp phần đảm bảo cuộc sống cho cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang nhân dân và người lao động (NLĐ). Từ đó tạo thành sức mạnh tổng hợp làm nên thắng lợi vĩ đại trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống Pháp, chống Mỹ và trong xây dựng bảo vệ tổ quốc, đưa đất nước vững bước đi lên trên con đường xây dựng Chủ nghĩa xã hội vì mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Chính sách BHXH được xây dựng nhằm bảo vệ, trước hết cho một lực lượng lao động đông đảo trong xã hội, đó là những người làm công ăn lương, bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ BHXH.

Chính sách BHYT được hình thành từ năm 1992. Trải qua quá trình phát triển, chính sách BHYT đã dần được hoàn thiện, đối tượng tham gia và quyền lợi của người tham gia ngày càng được mở rộng hơn. Tham gia BHYT khi ốm đau sẽ được khám, chữa bệnh và được quỹ BHYT chi trả phần lớn chi phí; tham gia BHXH sẽ được hưởng lương hưu theo quy định, đặc biệt, trong tình hình suy thoái kinh tế, viện phí liên tục tăng như hiện nay, việc tham gia BHXH, BHYT càng có ý nghĩa hết sức thiết thực.

Chính sách BHTN được ra đời và cụ thể hóa theo quy định của Luật BHXH năm 2006, có hiệu lực thực hiện từ 01/01/2009. Đến nay, chính sách BHTN được tách ra khỏi chính sách BHXH, được quy định tại Luật Việc làm năm 2013.

Doanh nghiệp (DN) nói chung, DN ngoài nhà nước nói riêng là một phần kết cấu không thể thiếu của nền kinh tế nước ta. Trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn những năm gần đây, số lượng DN ngoài nhà nước ngày càng gia tăng, góp phần giải quyết việc làm cho nhân dân trên địa bàn và phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Dưới sự tuyên truyền, vận động và phối hợp thanh, kiểm tra của cơ quan BHXH, về cơ bản các đơn vị đã thực hiện việc đăng ký tham gia và đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ.

Tuy nhiên, trong thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN của các DN còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế, đặt ra những vấn đề cần quan tâm giải quyết, đó là:

- Không có một cơ quan quản lý nhà nước nào chịu trách nhiệm và nắm chắc số DN ngoài nhà nước từng thời điểm có bao nhiêu đơn vị còn đang tồn

tại, hoạt động, quản lý sử dụng lao động như thế nào? Tên của chủ DN là gì? Địa chỉ ở đâu? Việc sản xuất kinh doanh ra sao? Chấp hành pháp luật thế nào?

- Việc đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN còn hạn chế, nhiều DN trốn đóng, không đăng ký tham gia hoặc đăng ký tham gia không đủ số người thuộc diện theo quy định trong khi việc quản lý lao động tại các DN còn nhiều bất cập.

- Tình trạng nợ đọng tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN xảy ra thường xuyên, thậm chí có những DN lạm dụng quỹ BHXH, BHYT, BHTN, chiếm dụng tiền đóng của NLĐ để sử dụng làm vốn sản xuất kinh doanh... Do đó, đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện chế độ, chính sách BHXH, BHYT, BHTN đối với NLĐ và kết quả thu BHXH, BHYT, BHTN.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chính sách BHXH, BHYT, BHTN của cơ quan BHXH và các đơn vị chưa được thường xuyên; công tác kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật đối với các chủ sử dụng lao động có tình không đóng, đóng không đúng, không kịp thời, đầy đủ BHXH cho NLĐ còn chưa thực sự quyết liệt; giải quyết nợ đọng BHXH là một trong những vấn đề gây bức xúc hiện nay.

Do đó việc nghiên cứu của đề tài “*Tình hình tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động tại các doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn - Thực trạng và giải pháp*” hiện nay là rất cần thiết và có ý nghĩa cấp bách đối với việc quản lý thu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

* Một số công trình nghiên cứu liên quan:

- Luận văn thạc sĩ kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2000: “Hoàn thiện quản lý thu BHXH khu vực DN ngoài Quốc doanh ở Việt Nam”. Luận văn đã phân tích, tình hình thực hiện thu BHXH đối với các đơn vị, DN ngoài nhà nước, đánh giá những thành công và tồn tại hạn chế, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thu BHXH nói chung và khu

vực DN ngoài quốc doanh nói riêng.

- Bài viết: Thực trạng tham gia BHXH của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở Thái Nguyên của tác giả Hà Thị Thanh Hoa (Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên), đăng trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ số 60 ngày 12/01/2013. Trên cơ sở phân tích thực trạng tham gia BHXH của một số DN ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và đánh giá nguyên nhân của các hạn chế trong quá trình tham gia, tác giả đã đưa ra các đề xuất kiến nghị đem lại hiệu quả trong quản lý thu BHXH đối với các DN trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Luận văn tiến sĩ “Hoàn thiện cơ chế thu bảo hiểm xã hội ở Việt Nam” của tác giả Phạm Trường Giang. Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá thực trạng cơ chế thu BHXH ở Việt Nam, tác giả đã đưa ra một số định hướng và giải pháp hoàn thiện cơ chế thu BHXH ở Việt Nam.

Nhìn chung các công trình, bài viết trên, dưới những góc độ tiếp cận khác nhau đã đề cập ít nhiều đến vấn đề tham gia BHXH của các DN. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu chung về vấn đề tham gia BHXH, BHYT và cả BHTN; chưa có sự điều tra, khảo sát thực tế để đánh giá một cách toàn diện và chính xác nhất tình hình tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN ngoài nhà nước, từ đó đưa ra các giải pháp quản lý hữu hiệu nhất.

Ngoài ra, trong thực tiễn thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, bên cạnh những kết quả đã đạt được còn phát sinh một số vấn đề cần quan tâm giải quyết, đó là:

- Nhận thức, hiểu biết về BHXH, BHYT, BHTN của người lao động và doanh nghiệp còn hạn chế; Ý thức chấp hành pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN chưa cao.

- Quá trình quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN đối với các doanh nghiệp còn gặp khó khăn như: Việc quản lý đối với doanh nghiệp và người lao động thuộc diện bắt buộc tham gia BHXH, BHYT, BHTN; những vi phạm pháp

luật về BHXH, BHYT, BHTN chủ yếu diễn ra tại các doanh nghiệp với chiều hướng ngày càng gia tăng.

Do đó, đề tài có tính cấp thiết cả về mặt lý luận và thực tiễn.

3. Mục tiêu nghiên cứu

3.1. Mục tiêu chung:

Đánh giá thực trạng tình hình tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động của các doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao tỷ lệ đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

- Thực trạng tình hình tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ của các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Xác định một số yếu tố liên quan đến tình hình tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ của DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Xây dựng một số giải pháp nâng cao tỷ lệ đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

4. Đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu: Tình hình tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, tập trung vào 2 nội dung: đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN và tiền lương (mức đóng) làm căn cứ tính đóng BHXH, BHYT, BHTN; những yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia BHXH, BHYT, BHTN của DN.

4.2. Phạm vi nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu về tình hình tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại các DN trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2016.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Kế thừa tài liệu của các cơ quan có liên quan như: Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh.

Sử dụng phương pháp điều tra khảo sát, thu thập thông tin của NLD và chủ sử dụng lao động.

Xử lý và phân tích số liệu theo phương pháp thống kê toán học có sự trợ giúp của phần mềm Excel.

So sánh, đối chiếu tài liệu giữa hồ sơ khai thác từ các sở, ngành với số liệu thực tế do điều tra khảo sát được

Tổ chức hội thảo để lấy ý kiến của những người làm công tác BHXH, BHYT, BHTN và các cá nhân, tổ chức có liên quan.

Tổng hợp phân tích tài liệu, số liệu thống kê, khảo sát; đánh giá những nhân tố tác động đến tình hình tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN và dự báo những nhân tố tác động trong tương lai; đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu đối với các DN, NLD và các giải pháp nhằm đảm bảo mọi DN và NLD đều đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN theo quy định.

5. Dự kiến những đóng góp về mặt khoa học và thực tiễn của Đề tài

Nội dung của đề tài liên quan đến một trong những nhiệm vụ thường xuyên của BHXH tỉnh Bắc Kạn, đã và đang có những vấn đề đặt ra cần giải quyết, tháo gỡ để góp phần phát triển bền vững sự nghiệp, đáp ứng được yêu cầu hiện tại cũng như thực hiện mục tiêu "BHXH, BHTN cho mọi NLD" và "BHYT toàn dân". Những giải pháp được đề xuất và những kiến nghị với các cấp có thẩm quyền có thể tham khảo, vận dụng vào công tác quản lý thu và tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN ở tỉnh Bắc Kạn.

6. Ý nghĩa của Đề tài

Đề tài đi sâu nghiên cứu, phân tích, so sánh số liệu và tổ chức điều tra, khảo sát để đánh giá thực trạng tình hình tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; xác định các yếu tố tác động đến quá trình tham gia của DN; đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ NLD tại các DN ngoài nhà nước tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

Do đó, Đề tài có thể tham khảo, vận dụng vào thực tế công tác quản lý thu nói riêng và việc tổ chức thực hiện các chính sách BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

7. Kết cấu của Đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, kết cấu của đề tài gồm 3 chương, 8 tiết.

CHƯƠNG I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VIỆC THAM GIA BHXH, BHYT, BHTN CHO NLĐ TẠI CÁC DN NGOÀI NHÀ NƯỚC

1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của DN ngoài nhà nước trong nền kinh tế của Việt Nam.

1.1.1. Khái niệm

Trước hết phải khẳng định rằng có khá nhiều cách hiểu về khái niệm DN dưới góc độ của khoa học quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh và khoa học pháp lý. Trong Từ điển tiếng Việt, khái niệm DN được xác định rất đơn giản “là đơn vị kinh doanh, như xí nghiệp, công ty, v.v...”¹. Về khoa học pháp lý Việt Nam, từ khi thực hiện đường lối đổi mới, khái niệm DN đã được quy định lần đầu tiên trong Luật công ty năm 1990, sau đó là Luật doanh nghiệp năm 1999, năm 2005 và hiện nay là Luật Doanh nghiệp năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015, tại Khoản 7, Điều 4 quy định: “Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.”

Hiện nay, chưa có định nghĩa về doanh nghiệp ngoài nhà nước, tuy nhiên, ngoài những đặc điểm nêu trên, có thể hiểu doanh nghiệp ngoài nhà nước là doanh nghiệp do một hay nhiều cá nhân hoặc tổ chức tư nhân làm chủ sở hữu, không có vốn của nhà nước đầu tư vào.

1.1.2. Đặc điểm

Căn cứ vào quy định này thì DN có những đặc điểm sau:

- Là đơn vị kinh tế, hoạt động trên thương trường, có trụ sở giao dịch ổn định, có tài sản. DN là tổ chức kinh tế có tên riêng, có trụ sở giao dịch, có tài sản, có sử dụng lao động làm thuê. DN là nơi diễn ra hoạt động sản xuất vật chất thì phải dựa trên các yếu tố về tư liệu sản xuất và lao động. Muốn hoạt động kinh doanh thì DN nào cũng phải có vốn kinh doanh, có tài sản; trong một số trường hợp nhất định số vốn đầu tư ban đầu (vốn điều lệ) không được

thấp hơn mức vốn theo quy định của pháp luật (vốn pháp định). DN là chủ thể kinh doanh có quy mô kinh doanh ở mức độ nhất định, hay hiểu một cách đơn giản nó là loại chủ thể kinh doanh có quy mô lớn nhất so với các loại hình kinh doanh khác.

- Được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, mà thông thường là phải làm thủ tục đăng ký kinh doanh, xin phép kinh doanh tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong khi những tổ chức phi lợi nhuận hay các tổ chức hoạt động sự nghiệp, v.v... thì không phải làm thủ tục này.

DN phải là tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động dưới một hình thức pháp lý nhất định do pháp luật quy định. Hình thức pháp lý của DN được quy định cụ thể trong các luật về DN như: Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp liên doanh, hợp tác xã, v.v.... Các tổ chức, cá nhân muốn thành lập DN tại Việt Nam thì chỉ có thể lựa chọn các hình thức pháp lý được pháp luật quy định.

- Hoạt động của DN nhằm mục đích kinh doanh.

Mục đích hoạt động chủ yếu của DN nói chung là nhằm mục đích kinh doanh, đây là điểm khác nhau cơ bản giữa DN và các cơ quan, tổ chức không được coi là DN. Theo Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì “*Kinh doanh là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc thực hiện dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi*”.

DN phải là chủ thể hạch toán kinh doanh độc lập, có nghĩa nó là chủ thể tự quyết định việc thu, chi tài chính, tự mình hưởng thành quả cũng như chịu trách nhiệm cuối cùng về kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Dấu hiệu này là cơ sở để phân biệt DN với các cơ sở kinh doanh, các đơn vị phụ thuộc của DN (ví dụ: các đơn vị thành viên của tổng công ty, các chi nhánh hay văn phòng đại diện của doanh nghiệp, v.v...).

¹ Theo Từ điển tiếng Việt

Có thể liệt kê các loại hình DN ở nước ta hiện nay bao gồm:

- Doanh nghiệp nhà nước.
- Hợp tác xã.
- Công ty, gồm: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn có 2 thành viên trở lên, công ty hợp danh.
- Doanh nghiệp tư nhân.
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, gồm: doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài.

Tuy nhiên, trong khuôn khổ đề tài, chỉ đề cập đến các DN ngoài nhà nước, được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

1.1.3. Vị trí, vai trò của DN

Ở mỗi nền kinh tế quốc gia hay lãnh thổ, DN có vị trí đặc biệt quan trọng của nền kinh tế xã hội.

DN là bộ phận chủ yếu tạo ra tổng sản phẩm trong nước (GDP) và tạo việc làm rất đáng kể. Những năm gần đây, hoạt động của DN đã có bước phát triển đột biến, góp phần giải phóng và phát triển sức sản xuất, huy động và phát huy nội lực vào phát triển kinh tế xã hội, góp phần quyết định vào phục hồi và tăng trưởng kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách và tham gia giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội như: Tạo việc làm, xoá đói, giảm nghèo... DN càng phát triển, càng tạo ra nhiều công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của NLD, góp phần rất lớn trong phát triển đất nước.

DN là yếu tố quan trọng, quyết định đến chuyển dịch các cơ cấu lớn của nền kinh tế quốc dân như: Cơ cấu nhiều thành phần kinh tế, cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu kinh tế giữa các vùng, địa phương. Lợi ích cao hơn mà tăng trưởng DN đem lại là tạo ra khối lượng hàng hoá và dịch vụ lớn hơn, phong phú hơn, chất lượng tốt hơn, thay thế được nhiều mặt hàng phải nhập khẩu, góp phần

quan trọng cải thiện và nâng cao mức tiêu dùng trong nước và tăng xuất khẩu, đó cũng là yếu tố giữ cho nền kinh tế ổn định và phát triển những năm qua. Các loại hình kinh tế trong DN phát triển đa dạng gồm nhiều thành phần, trong đó DN nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn, các loại hình DN tư nhân tuy còn nhỏ nhưng phát triển nhanh và rộng khắp ở các ngành và các địa phương trong cả nước, loại hình kinh tế tập thể đang được khôi phục và có bước phát triển mới. DN phát triển nhanh trong tất cả các ngành và ở khắp các địa phương đã tạo ra cơ hội phân công lại lao động giữa các khu vực nông lâm nghiệp, thủy sản và sản xuất kinh doanh nhỏ của hộ gia đình là khu vực lao động có năng suất thấp, thu nhập không cao, chiếm số đông, thiếu việc làm sang khu vực DN, nhất là công nghiệp và dịch vụ có năng suất cao và thu nhập khá hơn. DN phát triển tác động đến chuyển dịch cơ cấu trong nền kinh tế quốc dân và trong nội bộ mỗi ngành.

DN, đặc biệt là DN ngành công nghiệp là nhân tố đảm bảo cho việc thực hiện các mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nâng cao hiệu quả kinh tế, giữ vững ổn định và tạo thế mạnh hơn về năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong quá trình hội nhập.

DN góp phần giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội. Sản phẩm hàng hoá và dịch vụ do khối DN tạo ra ngày càng phong phú, đa dạng về chủng loại mặt hàng, chất lượng hàng hoá, dịch vụ được nâng lên, do đó đã giải quyết cơ bản nhu cầu tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ ngày càng cao của toàn xã hội, góp phần nâng cao mức sống vật chất của dân cư và tăng nhanh lượng hàng hoá xuất khẩu. Nhiều sản phẩm trước đây thường phải nhập khẩu cho tiêu dùng thì nay đã được các DN sản xuất thay thế và được người tiêu dùng trong nước tín nhiệm như: Ô tô, xe máy, phương tiện vận tải, các mặt hàng đồ điện, điện tử, may mặc, thực phẩm, đồ uống, hoá mỹ phẩm, đồ dùng gia đình, sản phẩm phục vụ xây dựng,... DN là khu vực chủ yếu tạo ra nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, nguồn thu này tăng nhanh trong những năm qua là điều kiện để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng,

phát triển các hoạt động xã hội công (y tế, giáo dục, xoá đói giảm nghèo,...).

1.2. Khái quát về BHXH, BHYT, BHTN.

1.2.1. Khái niệm

1.2.1.1. Khái niệm BHXH

Trong hoạt động của đời sống của con người cũng như trong hoạt động sản xuất kinh doanh, ngoài những khó khăn thường gặp phải con người có thể dự báo trước và cũng có thể tính toán bằng khoa học, thì con người luôn phải đối mặt với những rủi ro bất ngờ có thể xảy ra. Ngoài ra, muốn thỏa mãn các nhu cầu tối thiểu như ăn, mặc ở..., con người phải lao động, nghiên cứu làm ra những sản phẩm cần thiết để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của gia đình. Những bất trắc, rủi ro xảy ra trong đời sống xã hội đem đến cho con người những tổn thất và những hậu quả vô cùng to lớn cả về mặt vật chất lẫn mặt tinh thần như ốm đau, tai nạn, già yếu hoặc không có công việc làm do ảnh hưởng của tự nhiên, do ảnh hưởng của các tác nhân xã hội khác. Do vậy muốn tồn tại, con người phải tìm ra nhiều biện pháp phòng ngừa, hạn chế và khắc phục những rủi ro bất hạnh giảm bớt khó khăn cho bản thân và gia đình thì ngoài việc tự bản thân mỗi người tự khắc phục thì NLD phải được sự bảo trợ của cộng đồng và xã hội. Nhằm đảm bảo an toàn nguồn quỹ và giúp cho NLD an tâm hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời hoạt động bảo hiểm là công cụ quan trọng và có hiệu quả để ổn định và phát triển kinh tế xã hội nói chung và là công cụ quan trọng để khắc phục những hậu quả do rủi ro xảy ra trong đời sống xã hội.

Trải qua quá trình phát triển tương đối dài, có nhiều khái niệm về BHXH. Trong đề tài này, khái niệm đầy đủ nhất, mang tính chất pháp lý cao nhất, đó là "*Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ BHXH*" [Điều 3, Luật BHXH năm 2014].

1.2.1.2. Khái niệm BHTN

Trong nền kinh tế thị trường, thất nghiệp là điều không thể tránh khỏi của bất kỳ quốc gia nào, trong bất kỳ giai đoạn phát triển nào. Khi NLD không tìm được việc làm hoặc bị mất việc làm thì họ bị mất nguồn thu nhập từ lao động. Khi đó NLD và gia đình họ có nguy cơ rơi vào cảnh túng quẫn, bị bần cùng hoá. Để khắc phục tình cảnh này, bản thân NLD phải tích cực tìm chỗ làm việc mới. Tuy nhiên, không phải ai và lúc nào cũng có thể tìm được việc làm ngay, vì thất nghiệp thường song hành với thời kỳ nền kinh tế bị suy thoái, DN đang gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, nên khó tạo ra chỗ làm việc mới cho NLD. Một biện pháp khác có tính xã hội cao, là nhà nước tổ chức BHTN cho NLD.

Theo quy định của Luật BHXH năm 2006, chính sách BHTN là một trong những chính sách BHXH bắt buộc của Nhà nước. Luật Việc làm ra đời năm 2013, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015, chính sách BHTN được tách ra khỏi chính sách BHXH. Tại Khoản 4, Điều 3, Luật Việc làm năm 2013 quy định: *“Bảo hiểm thất nghiệp là chế độ nhằm bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì việc làm, tìm việc làm trên cơ sở đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp”*

BHTN xét về mặt xã hội là biện pháp có tính thụ động, nhưng lại có ý nghĩa tích cực đối với từng cá nhân NLD khi bị thất nghiệp, giúp được họ có một khoản thu nhập bù đắp lại mức thu nhập đã bị mất do bị mất việc làm; tạo điều kiện cho họ sớm quay trở lại thị trường lao động, tránh không bị rơi vào tình cảnh túng quẫn.

1.2.1.3. Khái niệm BHYT

Trong những năm qua, nước ta đã chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự đổi mới cơ chế kinh tế là rất cần thiết song phải gắn liền với sự đổi mới các chính sách khác có liên quan trong đó có chính sách xã hội để phát triển một xã hội công bằng văn minh. Việc phát triển nền kinh tế thị trường đã dẫn đến sự phân hoá giàu nghèo, có một số bộ

phần dân cư có thu nhập khá cao trong khi đó còn không ít người vẫn trong hoàn cảnh thiếu thốn. Ngân sách Nhà nước cũng khó đáp ứng được sự bao cấp về chăm sóc sức khỏe cho mọi tầng lớp dân cư. Do đó đòi hỏi phải có giải pháp trong chính sách xã hội, trong lĩnh vực y tế để tạo sự công bằng trong việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Ở nước ta, BHYT là một chính sách xã hội được triển khai từ năm 1992, là một đổi mới, một giải pháp cơ bản trước mắt cũng như lâu dài trong công tác chăm sóc sức khỏe, giảm bớt khoảng cách giàu nghèo. Trải qua quá trình phát triển, khái niệm BHYT cơ bản không thay đổi nhiều. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 2, Luật BHYT năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014: *“Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm bắt buộc được áp dụng đối với các đối tượng theo quy định của Luật này để chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận do Nhà nước tổ chức thực hiện”*

1.2.2. Vai trò của chính sách BHXH, BHYT, BHTN

Chính sách BHXH, BHYT, BHTN là một bộ phận quan trọng trong chính sách kinh tế và xã hội của Nhà nước, là những chủ trương, quan điểm, nguyên tắc để giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến một tầng lớp đông đảo người lao động và các vấn đề kích thích phát triển kinh tế của từng thời kỳ và hoạt động BHXH, BHYT, BHTN không vì mục đích lợi nhuận. Trong hệ thống an sinh xã hội thì hệ thống BHXH, BHYT, BHTN giữ vai trò trụ cột, bền vững nhất.

Bản chất của BHXH, BHTN là sự bảo đảm bù đắp một phần hoặc thay thế thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động, thất nghiệp hoặc chết trên cơ sở đóng góp vào quỹ BHXH, BHYT do Nhà nước tổ chức thực hiện.

Còn BHYT là chế độ khám chữa bệnh nằm trong chính sách BHXH, nhưng do lịch sử hình thành và phát triển ở nước ta có sự khác biệt và theo

thói quen nên chúng ta thường gọi là chính sách BHYT.

Thất nghiệp được coi là bạn đồng hành của nền kinh tế thị trường. Thất nghiệp và lạm phát là hai vấn đề nan giải nhất của các quốc gia trong nền kinh tế thị trường, có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển và sự ổn định kinh tế - chính trị - xã hội của từng nước. Do thất nghiệp xảy ra đối với từng người nên có ảnh hưởng rất lớn đến chính bản thân và gia đình họ. Mặt khác thất nghiệp của số lớn các cá nhân cũng sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đối với xã hội. Đối với cá nhân, thất nghiệp đã cắt đứt nguồn thu nhập chủ yếu hoặc duy nhất của người lao động (nhất là ở các nước thị trường phát triển, tiền lương là nguồn thu nhập chủ yếu của họ), đồng thời cắt đứt phương tiện sinh sống của người lao động và gia đình họ, đẩy những người này vào cảnh túng quẫn không có khả năng thanh toán cho các chi phí thường ngày, như: tiền nhà, tiền điện, tiền nước, tiền học cho con cái... Ngoài những ảnh hưởng về kinh tế, thất nghiệp còn gây ra những tổn hại về mặt tinh thần và sức khỏe cho người lao động. Đối với quốc gia, thất nghiệp là sự phí phạm nguồn nhân lực, không thúc đẩy sự phát triển kinh tế, đồng thời dễ dẫn đến những xáo trộn về xã hội, bãi công, biểu tình chống chính phủ, thậm chí dẫn đến biến động về chính trị.

Do đó BHXH, BHYT, BHTN có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế, xã hội của đất nước cũng như trong đời sống của NLĐ như sau:

Thứ nhất, chính sách BHXH, BHYT, BHTN sẽ trợ giúp NLĐ khi gặp rủi ro: ốm đau, tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp... sớm trở lại trạng thái sức khỏe ban đầu cũng như sớm có việc làm....

Khi có việc làm và khỏe mạnh, NLĐ và người sử dụng lao động sẽ đóng góp một phần tiền lương, thu nhập vào quỹ dự phòng. Quỹ này hỗ trợ NLĐ khi ốm đau, tai nạn, bệnh tật, khi không làm việc, lúc già cả để duy trì và ổn định cuộc sống của NLĐ và gia đình họ. NLĐ tham gia BHXH, BHYT, BHTN khi ốm đau sẽ được khám chữa bệnh và được quỹ BHYT chi trả phần lớn chi phí; được nhận tiền trợ cấp khi ốm đau không đi làm được, được nghỉ chăm con ốm;

khi thai sản được nghỉ khám thai, được nghỉ khi sinh đẻ và nuôi con, được nhận trợ cấp khi sinh con và trợ cấp thai sản; khi bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp sẽ được nhận phần trợ cấp do giảm khả năng lao động do tai nạn, bệnh nghề nghiệp gây ra. Ngoài ra, NLD còn được nghỉ dưỡng sức và phục hồi sức khỏe sau khi ốm đau, sinh đẻ hay điều trị thương tật nhằm nâng cao thể lực. Khi NLD mất việc làm sẽ được hưởng trợ cấp thất nghiệp và được giới thiệu việc làm hoặc gửi đi học nghề để có cơ hội tìm kiếm việc làm mới.

Chính sách BHYT với mục tiêu thực hiện BHYT toàn dân đã tạo điều kiện cho mọi người dân giảm bớt gánh nặng chi phí khi khám chữa bệnh do ốm đau, tai nạn, tạo sự bình đẳng trong khám chữa bệnh BHYT.

Thứ hai, chính sách BHXH, BHYT góp phần ổn định cuộc sống của NLD khi hết tuổi lao động hoặc không còn khả năng lao động.

Theo quy định của Luật BHXH, NLD tham gia đóng BHXH từ 20 năm trở lên khi hết tuổi lao động hoặc mất sức lao động thì được hưởng lương hưu hoặc trợ cấp hằng tháng. Với nguồn lương hưu và trợ cấp BHXH, người cao tuổi có thu nhập ổn định, bảo đảm cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Cùng với sự phát triển kinh tế, mức lương hưu cũng không ngừng được điều chỉnh cho phù hợp với mức sống chung của toàn xã hội. Vào các thời điểm tăng mức lương tối thiểu chung cũng như việc xem xét chỉ số giả cả, Nhà nước đều có sự điều chỉnh lương hưu một cách hợp lý. Mức lương hưu không ngừng được điều chỉnh cho phù hợp với mức sống chung toàn xã hội tại thời điểm hưởng lương hưu đã bảo đảm cuộc sống của người nghỉ hưu, tạo sự an tâm, tin tưởng của người về hưu sau cả cuộc đời lao động. Tương tự như vậy, các quyền lợi về BHYT, về chế độ ốm đau, chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; mức trợ cấp tuất một lần... cũng được cải thiện rõ rệt.

Thứ ba, thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN góp phần ổn định và nâng cao chất lượng lao động, bảo đảm sự bình đẳng về vị thế xã hội của NLD trong các thành phần kinh tế khác nhau, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Chính sách BHXH, BHYT, BHTN hoạt động dựa trên nguyên tắc cơ bản “đóng - hưởng” đã tạo ra bước đột phá quan trọng về sự bình đẳng của NLĐ về chính sách BHXH, BHYT, BHTN. Khi đó, mọi NLĐ làm việc ở các thành phần kinh tế, các ngành nghề, địa bàn khác nhau, theo các hình thức khác nhau đều được tham gia thực hiện các chính sách BHXH, BHYT, BHTN.

Với những quyền lợi về BHXH, BHYT, BHTN đã góp phần thu hút nguồn lao động vào nền sản xuất xã hội, giữ gìn và nâng cao thể lực cho người lao động trong suốt quá trình lao động, sản xuất. Việc được tham gia BHXH, BHYT, BHTN khi đang làm việc và được hưởng lương hưu sau này đã tạo ra cho người lao động sự phấn khởi, tâm lý ổn định, an tâm vào việc làm mà họ đang thực hiện.

BHXH, BHYT, BHTN làm cho mối quan hệ giữa NLĐ, người sử dụng lao động và Nhà nước ngày càng gắn bó. Thông qua hoạt động BHXH, BHYT, BHTN, NLĐ có trách nhiệm hơn trong lao động, họ tích cực lao động, tạo ra năng suất cao hơn, sáng tạo trong quá trình lao động. Đối với người sử dụng lao động tạo ra niềm tin đối với NLĐ, khuyến khích NLĐ, yên tâm, nhiệt tình trong công việc bằng cách là người sử dụng lao động đóng đúng, đầy đủ BHXH cho NLĐ tạo ra sự gắn bó giữa NLĐ và người sử dụng lao động. Đối với Nhà nước, thông qua việc tổ chức hoạt động BHXH nhằm đảm bảo cho mọi NLĐ, mọi tổ chức, đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh trong sân chơi bình đẳng, công bằng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và trong đời sống xã hội, góp phần ổn định, phát triển kinh tế xã hội đảm bảo an sinh cho mọi người

Thứ tư, BHXH, BHYT, BHTN góp phần thực hiện công bằng xã hội: BHXH, BHYT, BHTN theo nguyên tắc đóng góp và thụ hưởng “đóng - hưởng”, có nghĩa là người tham gia đóng góp BHXH, BHYT, BHTN thì người đó mới được hưởng quyền lợi về BHXH, BHYT, BHTN. Thông qua hoạt động của mình, BHXH, BHYT, BHTN tham gia vào việc phân phối lại thu nhập giữa những người có thu nhập cao và những người có thu nhập thấp, giữa những

người may mắn và những người không may mắn, giữa những NLD thế hệ trước và những NLD thế hệ sau, giữa những ngành nghề sản xuất với nhau và là sự chuyển dịch thu nhập giữa những người khỏe mạnh có việc làm ổn định cho những người ốm, yếu, gặp phải những biến cố rủi ro trong lao động. Mặt khác mức hưởng BHXH phụ thuộc vào mức đóng, thời gian đóng và đối tượng tham gia không chỉ trong khu vực nhà nước mà còn ở mọi thành phần kinh tế. Vì vậy, BHXH, BHYT, BHTN góp phần làm giảm bớt khoảng cách giàu nghèo trong xã hội góp phần vào việc phân phối lại thu nhập một cách công bằng, hợp lý giữa các tầng lớp dân cư và là công cụ đặc lực của Nhà nước nhằm đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

Thứ năm, BHXH, BHYT, BHTN góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế, góp phần đảm bảo ổn định chính trị - xã hội.

Quỹ BHXH được hình thành từ sự đóng góp của người sử dụng lao động, NLD và sự hỗ trợ của Nhà nước. Quỹ BHXH được tập trung từ nguồn tài chính nhàn rỗi tương đối lớn của người sử dụng lao động và NLD theo nguyên tắc tồn tích được Nhà nước quản lý một phần sử dụng để chi trả các chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho NLD và gia đình của họ. Nguồn vốn này trở nên rất quan trọng đối với những nước đang phát triển và là nguồn vốn quan trọng cho sự tăng trưởng và phát triển nền kinh tế được Đảng và Nhà nước khẳng định phát triển kinh tế - xã hội dựa trên nội lực là chính thì nguồn đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN nhàn rỗi là một kênh vô cùng quan trọng.

BHXH, BHYT là một công cụ đặc lực của Nhà nước, góp phần vào việc phân phối lại thu nhập quốc dân một cách công bằng, hợp lý giữa các tầng lớp dân cư, đồng thời giám chi cho ngân sách nhà nước, bảo đảm an sinh xã hội bền vững.

Trên thị trường lao động, “tiền lương là giá cả sức lao động” được hình thành tự phát căn cứ vào quan hệ cung cầu, vào chất lượng lao động cũng như các điều kiện khung mà trong đó Nhà nước chỉ đóng vai trò quản lý thông qua

những quy định về mức lương tối thiểu và những điều kiện lao động cần thiết. Quá trình hình thành tiền lương theo thỏa thuận giữa chủ sử dụng lao động và NLD là sự phân phối lần đầu và phân phối trực tiếp cho từng NLD. Do vậy, NLD có tay nghề cao, có nghề nghiệp thích ứng với nhu cầu của xã hội sẽ có thu nhập cao. Đó là sự hợp lý và khuyến khích làm giàu chính đáng.

Sau khi đã thực hiện thuế thu nhập, Nhà nước sẽ tiến hành phân phối lại thông qua chính sách BHXH, BHYT. Khi đó, người có năng lực hơn, nhận được tiền lương cao hơn sẽ đóng góp nhiều hơn cho xã hội để trợ giúp những người “yếu thế” hơn trong xã hội. Một bộ phận lao động khác do gặp phải rủi ro trong cuộc sống như về sức khỏe, về năng lực, về hoàn cảnh gia đình... có việc làm và thu nhập thấp hơn sẽ nhận được các quyền lợi BHXH, BHYT để duy trì cuộc sống. Bên cạnh đó, chế độ hưu trí, tử tuất với nguyên tắc tương đồng giữa mức đóng và mức hưởng đã khuyến khích NLD khi làm việc có thu nhập cao và đóng góp ở mức cao, với thời gian dài thì sau này sẽ được hưởng tiền lương hưu với mức cao, an tâm nghỉ ngơi khi tuổi già.

1.3. Quy định về tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN ngoài nhà nước

1.3.1. Đối tượng

- Người làm việc theo hợp đồng lao động (HĐLĐ) không xác định thời hạn, HĐLĐ xác định thời hạn, HĐLĐ theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng.

- Người quản lý DN, người quản lý điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương;

- Người làm việc theo HĐLĐ có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng (thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc từ 01/01/2018);

1.3.2. Tỷ lệ đóng BHXH, BHYT, BHTN

Tỷ lệ đóng	BHXH	BHYT	BHTN
DN phải đóng	18%	3%	1%
Người lao động	8%	1,5%	1%
Tổng cộng	26%	4,5%	2%

1.3.3. Mức tiền lương đóng BHXH, BHYT, BHTN:

- Tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN là tiền lương ghi trong HĐLĐ.

+ Từ 01/01/2016, tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN là mức lương và phụ cấp lương theo quy định của pháp luật lao động.

+ Từ ngày 01/01/2018 trở đi, tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật lao động.

- Mức tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng tại thời điểm đóng; cao nhất không quá 20 tháng lương cơ sở đối với BHXH, BHYT, không quá 20 tháng lương tối thiểu vùng đối với BHTN.

- Người lao động đã qua học nghề (kể cả lao động do doanh nghiệp dạy nghề) thì tiền lương đóng BHXH, BHYT, BHTN phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng, nếu làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì cộng thêm 5%.

1.3.4. Phương thức đóng BHXH, BHYT, BHTN:

- Đóng hằng tháng: Hằng tháng, chậm nhất đến ngày cuối cùng của tháng, đơn vị trích tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN trên quỹ tiền lương tháng của những NLĐ tham gia BHXH, BHYT, BHTN, đồng thời trích từ tiền

lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN của từng NLD theo mức quy định, chuyển cùng một lúc vào tài khoản chuyên thu của cơ quan BHXH mở tại ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước.

- Đóng 3 tháng hoặc 6 tháng một lần: Đơn vị là DN, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp trả lương theo sản phẩm, theo khoán thì đóng theo phương thức hằng tháng hoặc 3 tháng, 6 tháng một lần. Chậm nhất đến ngày cuối cùng của kỳ đóng, đơn vị phải chuyển đủ tiền vào quỹ BHXH.

1.3.5. Các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật BHXH, BHYT, BHTN

- Không đóng, trốn đóng hoặc đóng không đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

- Chiếm dụng tiền đóng, hưởng BHXH, BHTN.

- Gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN; hồ sơ, thẻ BHYT.

- Sử dụng quỹ BHXH, BHTN không đúng pháp luật. Sử dụng tiền đóng BHYT, quỹ BHYT sai mục đích.

- Cản trở, gây khó khăn hoặc làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, người sử dụng lao động, người tham gia BHYT.

- Truy cập, khai thác trái pháp luật cơ sở dữ liệu về BHXH, BHTN.

- Báo cáo sai sự thật; cung cấp thông tin, số liệu không chính xác về BHXH, BHTN, BHYT.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, chuyên môn, nghiệp vụ để làm trái với quy định của pháp luật về BHYT.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN và dự báo các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

1.4.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Điều kiện tự nhiên của từng địa phương cũng tác động không nhỏ đến việc thành lập, hoạt động của các DN, từ đó tác động đến quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN của DN. Các DN hoạt động tại các địa phương có điều kiện tự nhiên và xã hội có nhiều ưu đãi sẽ có điều kiện phát triển bền vững hơn, trong đó phải kể đến một số địa phương như Quảng Ninh, Hải Phòng, Nam Định... Trong khi đó, một số địa phương, đặc biệt là các tỉnh miền núi phía Bắc như Bắc Kạn, Lai Châu, Điện Biên... điều kiện tự nhiên hạn chế, không có tiềm năng để phát triển, do đó các DN chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ hàng hóa trong khi giao thông lại không thuận tiện, ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phát triển và hoạt động của các DN.

Điều kiện phát triển kinh tế xã hội có ảnh hưởng trực tiếp tới nguồn thu BHXH, BHYT, BHTN nói riêng và chính sách an sinh xã hội của toàn Ngành BHXH nói chung, khi kinh tế xã hội kém phát triển thì các DN đang hoạt động cũng sẽ không đủ điều kiện để đóng BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ, nguồn thu BHXH, BHYT, BHTN sẽ bị giảm sút, đồng thời khi nền kinh tế đi xuống, sẽ có thêm nhiều DN phá sản, ngừng hoạt động dẫn tới NLĐ sẽ bị mất việc làm, tình trạng thất nghiệp tràn lan, bùng phát. Nguồn thu bị giảm sút nhưng chế độ về chính sách cho NLĐ như: thất nghiệp, ốm đau, thai sản, hưu trí, thất nghiệp... vẫn phải tiếp tục và càng được quan tâm thực hiện, nguồn thu BHXH, BHYT, BHTN không đủ cho nguồn chi các chế độ BHXH, BHYT, BHTN sẽ làm cho nguồn quỹ BHXH, BHYT, BHTN bị thâm hụt, dẫn tới sự đổ vỡ của cả hệ thống ngành BHXH.

Như ta đã biết, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 bắt đầu từ Hoa kì đã diễn ra tương đối phức tạp, sự đổ vỡ hàng loạt hệ thống ngân

hàng, tình trạng đói tín dụng, sụt giá chứng khoán và mất giá tiền tệ quy mô lớn ở nhiều nước... dẫn tới suy thoái kinh tế toàn cầu. Việt Nam cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng đó, tình hình kinh tế diễn biến tiêu cực, sự đổ vỡ nhiều doanh nghiệp lớn nhỏ, một số DN khác phải thu hẹp quy mô hoạt động, NLD thiếu việc làm và thu nhập giảm, DN thì không có vốn để kinh doanh, tình trạng nợ đọng diễn ra theo chiều hướng xấu, dẫn tới việc đóng góp vào quỹ BHXH, BHYT, BHTN cũng bị giảm sút nghiêm trọng ảnh hưởng không nhỏ tới việc phát triển và duy trì quỹ BHXH, BHYT, BHTN nguồn quỹ BHXH, BHYT, BHTN bị ảnh hưởng làm cho mọi hoạt động của ngành BHXH bị ảnh hưởng.

Bắc Kạn là một trong những tỉnh có điều kiện tự nhiên, giao thông còn hạn chế. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế xã hội chung của cả nước, dự báo trong những năm tiếp theo tỉnh Bắc Kạn cũng sẽ ngày càng phát triển, số lượng DN và người lao động ngày càng tăng, quy mô về sản xuất sẽ được mở rộng, số lao động có việc làm tăng lên, đời sống vật chất của NLD được cải thiện hơn. Khi đó, người sử dụng lao động và người lao động có điều kiện tiếp cận với chính sách BHXH, BHYT, BHTN, hiểu được lợi ích thiết thực của chính sách, từ đó việc tham gia BHXH, BHYT, BHTN sẽ được tăng lên. Bên cạnh đó kinh tế phát triển thì mức lương của người lao động cao hơn nên số tiền đóng cũng sẽ cao hơn.

1.4.2. Chính sách pháp luật về tiền lương, chế độ BHXH, BHYT, BHTN

Giữa chính sách tiền lương, chính sách BHXH, BHYT, BHTN nói chung và công tác thu BHXH, BHYT, BHTN nói riêng có mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau, chính sách tiền lương là tiền đề và cơ sở cho việc thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN, bởi vì cơ sở để tính toán mức đóng và mức hưởng BHXH, BHYT, BHTN của chúng ta hiện nay là phụ thuộc vào mức lương tối thiểu do nhà nước quy định, như vậy khi nhà nước nâng mức lương

tối thiểu lên đồng nghĩa với việc mức đóng BHXH, BHYT, BHTN cũng phải tăng lên.

Theo kết quả một điều tra mới đây của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: DN nhà nước có tốc độ tăng tiền lương quá nhanh so với tốc độ tăng năng suất lao động, còn tại các DN ngoài nhà nước tiền lương tăng chưa tương xứng với tốc độ tăng lợi nhuận và tốc độ tăng năng suất lao động. Hiện nay mức thu nhập thực tế mà các DN trả cho NLĐ đã cao hơn nhiều so với lương tối thiểu. Nhưng hầu hết các DN đều nộp BHXH, BHYT, BHTN theo mức lương tối thiểu vùng chứ không nộp theo mức thu nhập thực tế của NLĐ. Việc các DN không lấy mức thu nhập thực tế của NLĐ làm cơ sở tính phần trăm nộp BHXH, BHYT, BHTN đã không chỉ làm thiệt thòi về quyền lợi cho NLĐ mà còn gây thất thu quỹ BHXH, BHYT, BHTN.

Trong những năm tiếp theo, mức tiền lương tối thiểu vùng và tiền lương cơ sở được Nhà nước điều chỉnh tăng hằng năm và từ năm 2018, bổ sung thêm người làm việc theo HĐLĐ có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc và tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN đối với các DN ngoài mức lương và phụ cấp lương như trước đây thì các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật lao động cũng phải tính để đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định. Quy định này sẽ khắc phục được tình trạng DN cố tình ký hợp đồng lao động dưới 3 tháng để trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN; mở rộng và nâng cao số đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN và tăng số thu BHXH, BHYT, BHTN từ các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

1.4.3. Về quy định về xử phạt vi phạm Luật BHXH, BHYT, BHTN

Hiện nay các quy định về xử phạt vi phạm Luật BHXH vẫn còn chưa đủ mạnh và mang tính răn đe cần thiết để hạn chế và chấm dứt các hành vi vi phạm. Các hành vi vi phạm đa phần là xử lý vi phạm hành chính, mà các mức đóng vi phạm này chưa đủ lớn để khiến các đối tượng không dám vi phạm,

hiện nay mức nộp phạt chậm đóng đối với đơn vị nợ tiền BHXH chỉ là 8%/1 năm tương đương với mức 0.67% /1 tháng, mức phạt thấp khiến cho chủ sử dụng lao động đôi lúc cố tình vi phạm, không đóng BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ, chủ động lấy tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN của NLĐ để đầu tư kinh doanh sinh lời, ảnh hưởng quyền lợi của NLĐ cũng như gây thiệt hại nặng nề cho Quỹ BHXH, BHYT, BHTN. Để hạn chế những điều này, đòi hỏi có các quy định sửa đổi kịp thời về mức phạt chậm đóng, cũng như các quy định về việc truy cứu trách nhiệm hình sự các đối tượng cố tình vi phạm, những điều này sẽ góp phần chấm dứt tình trạng vi phạm pháp luật BHXH, BHYT, BHTN, giúp công tác quản lý thu được diễn ra thuận lợi, đảm bảo quyền lợi của NLĐ.

Từ năm 2017, cơ quan BHXH tỉnh bắt đầu triển khai thẩm quyền thanh tra, xử lý các vi phạm về đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Luật BHXH năm 2014; các quy định, hướng dẫn về công tác thanh tra kiểm tra được hoàn thiện, đầy đủ; BHXH Việt Nam tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ thanh tra để trang bị nghiệp vụ cho cán bộ Phòng Thanh tra – Kiểm tra, Phòng Quản lý thu và Phòng Khai thác và thu nợ các tỉnh, thành phố, triển khai có hiệu quả thẩm quyền thanh tra, kiểm tra theo quy định. Ngoài ra, mức lãi phạt chậm đóng cũng được điều chỉnh tăng, phù hợp với tình hình thực tiễn. Do đó, dự báo trong những năm tiếp theo, tình trạng vi phạm về mức tiền lương đóng BHXH, BHYT, BHTN sẽ hạn chế do được phát hiện và xử lý kịp thời hơn.

1.4.4. Công tác tuyên truyền về hệ thống pháp luật và quy định BHXH, BHYT, BHTN

Chính sách BHXH, BHYT, BHTN có vai trò, ý nghĩa quan trọng đối với NLĐ nói riêng và xã hội nói chung. Muốn DN và NLĐ tham gia và đóng nộp đầy đủ, kịp thời các chế độ BHXH, BHYT, BHTN thì họ phải hiểu và tin tưởng về những lợi ích, quyền lợi mà chính sách BHXH, BHYT, BHTN mang

lại. Để DN và NLĐ hiểu và tin tưởng thì công tác tuyên truyền đóng vai trò quan trọng.

Tuyên truyền theo nghĩa rộng là hoạt động có mục đích của chủ thể nhằm truyền bá những tri thức, giá trị tinh thần, tư tưởng đến đối tượng, biến những kiến thức, giá trị tinh thần đó thành nhận thức, niềm tin, tình cảm của đối tượng, thôi thúc đối tượng hành động theo những định hướng, những mục tiêu do chủ thể tuyên truyền đặt ra.

Hiện nay còn nhiều DN và NLĐ còn chưa hiểu biết về quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia BHXH, BHYT, BHTN dẫn đến các DN và NLĐ chưa có ý thức tự giác tham gia mà chỉ coi đó là một điều kiện bắt buộc để có thể sản xuất kinh doanh theo các quy định của Nhà nước. NLĐ chưa ý thức được những quyền lợi mà mình được hưởng khi tham gia BHXH, BHYT, BHTN, trong khi đó người sử dụng lao động lại muốn tiết kiệm một phần chi phí sản xuất kinh doanh đáng lẽ ra phải đóng góp BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ của mình.

Hiện nay, công tác tuyên truyền trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn còn hạn chế. Việc tuyên truyền chủ yếu do ngành BHXH thực hiện, trong khi số lượng công việc chuyên môn lớn, dẫn đến chưa thường xuyên liên tục, hiệu quả chưa cao, chưa tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền trực tiếp đến đơn vị và NLĐ. NLĐ và chủ DN chưa được tuyên truyền trực tiếp nhiều về chính sách BHXH, BHYT, BHTN dẫn đến nhận thức và ý thức chấp hành chưa cao.²

Từ năm 2015, Ban Tuyên truyền BHXH Việt Nam được đổi tên thành Trung tâm truyền thông. Tại BHXH tỉnh Bắc Kạn, số lượng cán bộ làm công tác tuyên truyền ngày càng tăng, trong đó tại BHXH tỉnh là 02 cán bộ chuyên trách (01 người có trình độ trên đại học, 01 người có trình độ đại học) và 02 cán bộ kiêm nhiệm, tại BHXH các huyện, thành phố đều có cán bộ kiêm nhiệm. Tháng 9/2016, BHXH tỉnh Bắc Kạn đã thực hiện ký kết Quy chế phối hợp liên ngành

với các đơn vị: Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh Bắc Kạn, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân và Hội phụ nữ tỉnh. Các nội dung phối hợp nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn. Đây là cơ sở quan trọng cho hoạt động phối hợp tuyên truyền giữa cơ quan BHXH với các sở, ngành trên địa bàn.

Dự báo trong những năm tiếp theo, với việc tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn của Trung tâm Truyền thông về công tác tuyên truyền; sự phối hợp của các sở, ngành trên địa bàn tỉnh; đội ngũ cán bộ tuyên truyền của cơ quan BHXH ngày càng nâng cao được chất lượng hoạt động; kinh phí tuyên truyền được BHXH Việt Nam giao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tuyên truyền ... sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền về BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn; nâng cao nhận thức, ý thức tham gia BHXH, BHYT, BHTN của DN và NLĐ tham gia BHXH, BHYT, BHTN, giảm bớt tình trạng trốn đóng, nợ đọng BHXH đã và đang gây khó khăn cho công tác thu BHXH, BHYT, BHTN.

1.4.5. Đội ngũ cán bộ BHXH tỉnh Bắc Kạn

Trình độ năng lực cán bộ của ngành BHXH và hoạt động của BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng tác động không nhỏ đến quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN của DN.

Hiện nay, đội ngũ cán bộ viên chức của BHXH tỉnh ngày càng được nâng cao cả về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, luôn ý thức trau dồi kiến thức về BHXH, BHYT, BHTN cũng như đạo đức nghề nghiệp và luôn nỗ lực hết mình để đạt hiệu quả cao trong công việc. Tạo môi trường làm việc lành mạnh, duy trì phát động phong trào thi đua khen thưởng. Đội ngũ cán bộ trẻ có bằng cấp, có năng lực và đạo đức để bồi dưỡng tạo nguồn kế cận đáp ứng ngày càng cao của yêu cầu công việc.

Hoạt động của BHXH tỉnh, thành phố và BHXH cấp huyện đều bám sát được thực tiễn yêu cầu chuyên môn, thực hiện nghiêm túc các quy định trong

việc quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN đối với DN, từ đó tạo được mối quan hệ chặt chẽ ba bên giữa: cơ quan BHXH, chủ sử dụng lao động và NLĐ. Từ đó công tác quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN đạt được hiệu quả qua từng năm, đảm bảo số thu được phát triển, thu đủ, đúng quy định, không làm thất thoát quỹ BHXH, BHYT, BHTN.

Hiện nay công tác thu và quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN rất phức tạp, khối lượng công việc nhiều, đa phần là quá tải đối với mỗi cán bộ, các văn bản luật, nghị định, hướng dẫn từ các cấp ban ngành được cập nhật thường xuyên, liên tục đòi hỏi người cán bộ phải chuyên tâm nghiên cứu, cần cù, có trách nhiệm với công việc đồng thời phải có một trình độ nhất định về toán học, kế toán cũng như sự hiểu biết về hệ thống máy tính và công nghệ thông tin, đảm bảo được công tác quyết toán thu hàng tháng với đơn vị phải chính xác, đúng với hướng dẫn của luật BHXH, BHYT, BHTN kịp thời xử lý các phát sinh làm trái với luật BHXH, BHYT, BHTN đã ban hành, bên cạnh đó còn phát sinh một số đơn vị trốn đóng, hay lách luật với những thủ đoạn tinh vi, bài bản, đòi hỏi người cán bộ vừa phải có năng lực tốt, vừa phải có tư cách đạo đức và ý chí bền bỉ thì công tác thu và quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN mới thực sự thành công và không bị ảnh hưởng của tiêu cực.

Với việc đẩy mạnh công tác tổ chức cán bộ như bổ nhiệm đủ số lượng, có chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý; đào tạo, giáo dục nâng cao trình độ cán bộ..., dự báo trong những năm tiếp theo, trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ BHXH tỉnh Bắc Kạn sẽ tiếp tục được nâng cao. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, cải cách thủ tục hành chính, đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, phần mềm nghiệp vụ của ngành ngày càng hoàn thiện.. sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu, nâng cao hiệu quả việc vận động NLĐ và DN tham gia đầy đủ, kịp thời các chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định.

CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH THAM GIA BHXH, BHYT, BHTN CỦA CÁC DN NGOÀI NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN.

2.1. Khái quát đặc điểm tình hình tỉnh Bắc Kạn.

2.1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

Bắc Kạn là tỉnh miền núi nằm ở trung tâm nội địa vùng Đông Bắc Bắc Bộ; phía Bắc giáp các huyện Bảo Lạc, Nguyên Bình, Thạch An, tỉnh Cao Bằng; phía Đông giáp các huyện Trùng Khánh, Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn; phía Nam giáp các huyện Võ Nhai, Phú Lương, Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; phía Tây giáp các huyện Na Hang, Chiêm Hóa, Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Diện tích đất tự nhiên của Bắc Kạn là 485.941ha, trong đó: Đất nông nghiệp (bao gồm cả đất lâm nghiệp) là 413.044ha, chiếm 85%; đất phi nông nghiệp là 21.159ha, chiếm 4,35%; đất chưa sử dụng là 51.738ha, chiếm 10,65%. Đất đai tương đối màu mỡ, nhiều nơi tầng đất dày, đất đồi núi có lượng mùn cao, thích hợp cho sản xuất nông lâm nghiệp, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả và phục hồi rừng.

Đơn vị hành chính, dân số

Bắc Kạn có 8 đơn vị hành chính, trong đó có 1 thành phố (thành phố Bắc Kạn) và 7 huyện (Ba Bể, Bạch Thông, Chợ Đồn, Chợ Mới, Na Rì, Ngân Sơn, Pác Nặm) với 122 xã, phường, thị trấn.

Dân số Bắc Kạn hiện có trên 308.300 người, gồm 7 dân tộc: Tày, Nùng, Kinh, Dao, Mông, Hoa, Sán Chay; trong đó dân tộc thiểu số chiếm trên 80%. Mật độ dân số trung bình 63,45 người/km².

Tiềm năng phát triển của tỉnh

Bắc Kạn được tự nhiên ưu đãi cho nhiều tiềm năng phát triển kinh tế xã hội với nguồn tài nguyên rừng, đất rừng, khoáng sản phong phú như: tiềm năng phát triển công nghiệp khai thác nông lâm sản dựa trên lợi thế về rừng và

khai thác và chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng với 165 mỏ và điểm quặng; Nguồn tài nguyên đất đai phong phú là cơ sở quan trọng để Bắc Kạn phát triển nông - lâm nghiệp. Bên cạnh đó, Bắc Kạn có khí hậu thuận lợi để phát triển một tập đoàn cây trồng, vật nuôi đa dạng, đặc biệt là cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc. Đây là lợi thế để phát triển một nền nông nghiệp sinh thái, tạo ra các sản phẩm tập trung phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu; Vườn Quốc gia Ba Bể, nơi có hồ Ba Bể - một trong 20 hồ nước ngọt lớn trên thế giới và các hang động kỳ vĩ như: Động Puông, động Hua Mạ, động Nàng Tiên, động Thạch Long... là một trong những tiềm năng để phát triển du lịch. Nguồn nhân lực của tỉnh Bắc Kạn khá đông, có thể cung ứng đủ nhu cầu về lao động cho các DN có dự án đầu tư tại tỉnh Bắc Kạn với giá thuê nhân công rẻ hơn các nơi khác. Tuy nhiên, nguồn nhân lực của tỉnh cần tiếp tục được đào tạo để nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu cung cấp lao động lành nghề và lao động có trình độ kỹ thuật cao. Bắc Kạn nằm sâu trong nội địa lại có núi sâu che chắn nên ít bị ảnh hưởng của bão. Tỉnh đã từng bước đầu tư xây dựng hạ tầng thông tin theo hướng công nghệ hiện đại, tiên tiến, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh được đầu tư và lắp đặt điểm cuối tại các sở, ban, ngành và 8 huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị.

2.1.2. Một số khó khăn của tỉnh Bắc Kạn

Vị trí của tỉnh có địa hình núi cao, lại ở sâu trong nội địa nên gặp nhiều khó khăn trong việc trao đổi hàng hoá với các trung tâm kinh tế lớn cũng như các cảng biển. Mạng lưới giao thông chủ yếu trong tỉnh chỉ là đường bộ nhưng chất lượng đường lại kém. Chính vị trí địa lý cũng như những khó khăn về địa hình đã gây những ảnh hưởng nhất định đến việc phát triển kinh tế xã hội của toàn tỉnh.

Bắc Kạn là tỉnh nghèo, nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông lâm nghiệp, công nghiệp và dịch vụ nhỏ bé và chưa phát triển nên sản phẩm sản xuất ra

chưa có sức cạnh tranh. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra chậm, cơ cấu kinh tế chưa hợp lý. Điểm xuất phát về kinh tế - xã hội rất thấp, khả năng đáp ứng về nguồn vốn cho phát triển kinh tế xã hội còn hạn chế. Cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng yếu kém và thiếu đồng bộ

Bắc Kạn là tỉnh có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống (hơn 80%), mật độ dân trí thấp, các hủ tục lạc hậu vẫn còn tồn tại; hệ thống chính trị cơ sở, nhất là ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số chưa thật ổn định, vững chắc là những yếu tố cản trở việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và thực hiện chính sách xã hội. Thiếu đội ngũ lao động kỹ thuật, công nhân lành nghề, các nhà kinh doanh am hiểu và thích nghi với cơ chế thị trường

Quy mô kinh tế của tỉnh quá nhỏ, điều kiện địa lý, giao thông không thuận lợi nên không thu hút được các dự án đầu tư lớn; vấn đề cải cách hành chính và các chính sách thu hút đầu tư chậm đổi mới; nguồn nhân lực có chất lượng còn hạn chế, thiếu đội ngũ chuyên gia đầu ngành, cán bộ chuyên môn có trình độ tay nghề cao...

2.2. Tình hình các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Những năm gần đây, các DN trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn phát triển khá nhanh, đa dạng về quy mô, hình thức tổ chức, lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Sự phát triển của các DN đã và đang khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế của Bắc Kạn, giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn.

2.2.1. Thực trạng quản lý DN và người lao động tại các DN của các cơ quan liên quan

Từ khi Luật Doanh nghiệp có hiệu lực, đặc biệt là khi có Nghị quyết 14-NQ/TW5 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5, khóa IX về “tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân”, các loại hình DN ở tỉnh Bắc Kạn tăng nhanh về số lượng và chất lượng, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch

cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, đóng góp tỷ trọng lớn vào ngân sách nhà nước, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN; sản xuất kinh doanh có phục hồi nhưng tốc độ phục hồi chậm; việc tiếp cận nguồn vốn của DN gặp nhiều khó khăn; sản phẩm tiêu thụ chậm; năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của các sản phẩm trên địa bàn còn thấp; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu và chưa đồng bộ; nguồn lực đầu tư phát triển còn hạn chế nên ảnh hưởng đến sự phát triển của tỉnh.

Thực trạng các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh theo từng lĩnh vực quản lý, cụ thể như sau:

Bảng 2.1. Thống kê số liệu đăng ký kinh doanh của các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

Năm	DN đăng ký KD mới			DN giải thể, phá sản, ngừng hoạt động			Tổng số DN (bao gồm cả số DN chuyển từ địa phương khác đến hoạt động)
	Số đơn vị	Số tăng, giảm	Tỷ lệ tăng, giảm (%)	Số đơn vị	Số tăng, giảm	Tỷ lệ tăng, giảm (%)	
2014	47	9	19,1	50	3	6	931
2015	75	+28	37	33	-17	51	1.002
2016	71	+4	5,6	37	+4	10,8	1.076

Số liệu tính đến hết ngày 30/9/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cung cấp

Qua bảng số liệu trên cho thấy:

Số DN đăng ký kinh doanh hoạt động hằng năm tăng không đều, cao nhất là 37%, năm tăng thấp nhất là 5,6%. Số DN phá sản, giải thể, ngừng hoạt động năm 2014 còn lớn hơn số DN thành lập mới; năm 2015, số DN phá sản, giải thể, ngừng hoạt động bằng 44% DN đăng ký mới; còn năm 2016 bằng

52%. Số đơn vị, số lao động được sử dụng theo đăng ký kinh doanh của DN gia tăng qua các năm, cụ thể: năm 2015, số doanh nghiệp tăng 7,1%, số lao động tăng 5,8% so với năm 2014; năm 2016, số doanh nghiệp tăng 6,9%, số lao động tăng 7% so với năm 2015.

Bảng 2.2. Bảng cơ cấu DN và gia tăng số vốn, số lao động theo đăng ký kinh doanh

Năm	Tổng số DN	DN tư nhân		Công ty TNHH		Công ty Cổ phần		Tổng số vốn đăng ký KD			Tổng số lao động DN ĐKKD		
		Số DN	Chiếm tỷ lệ %	Số DN	Chiếm tỷ lệ %	Số DN	Chiếm tỷ lệ %	Số tiền (Tỷ đồng)	Số tăng, giảm	Tỷ lệ %	Số người (người)	Số tăng, giảm	Tỷ lệ %
2014	931	317	34	381	40,9	233	25	2.328	152	6,5	11.863	834	7,0
2015	1.002	330	32,9	427	42,6	245	24,5	2.505	+177	7,07	12.598	+735	5,8
2016	1.076	342	31,8	474	44	260	24,2	2.690	+185	6,88	13.546	+948	7

Nguồn Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp

Cơ cấu loại hình DN chiếm tỷ lệ như sau: Doanh nghiệp tư nhân, năm 2014 là 34%, năm 2015 là 33%, năm 2016 là 31,8%; Công ty trách nhiệm hữu hạn, năm 2014 là 49,9%, năm 2015 là 42,6%, năm 2016 là 44,1%; Công ty cổ phần, năm 2014 là 25%, năm 2015 là 24,5%, năm 2016 là 24,2%.

Hằng năm, số vốn, số lao động theo đăng ký kinh doanh đều có sự gia tăng. Với số lượng doanh nghiệp và tổng số lao động theo đăng ký kinh doanh, trung bình mỗi doanh nghiệp có từ 12 - 13 lao động.

Qua khảo sát tại 178 DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, các DN của tỉnh Bắc Kạn chủ yếu là DN trẻ, số năm hoạt động chưa nhiều, trong đó DN hoạt động dưới 10 năm chiếm tỷ lệ 76%; số DN hoạt động trên 10 năm chiếm tỷ lệ 24%. Điều này là do, tỉnh Bắc Kạn được tái thành lập từ năm 1997 trên cơ sở tách ra từ tỉnh Bắc Thái cũ, có xuất phát điểm thấp, tiềm năng để

phát triển kinh tế còn hạn chế ... dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DN còn thiếu ổn định và bền vững. Số DN hoạt động thường xuyên, ổn định chiếm tỷ lệ 86,5%; Không thường xuyên, ổn định chiếm tỷ lệ 13,5%

Về ngành nghề sản xuất, kinh doanh: Mặc dù là tỉnh sản xuất nông, lâm nghiệp là chủ yếu, tuy nhiên số DN có ngành nghề sản xuất kinh doanh về nông, lâm nghiệp chiếm tỷ lệ rất ít (2%). Do tỉnh mới tái thành lập, nhu cầu xây dựng các công trình phục vụ cho hoạt động của bộ máy các cơ quan, đơn vị, công trình nhà ở cho nhân dân, các tuyến đường giao thông rất lớn nên số lượng DN về xây dựng chiếm số lượng lớn nhất (42%), tiếp đến là ngành nghề vận tải dịch vụ (30%), còn lại là các DN khai khoáng; Công nghiệp, chế biến và chế tạo; Phân phối sản phẩm; Đa ngành nghề.

Về quy mô DN: Các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn chủ yếu là DN vừa và nhỏ, có số lượng lao động dưới 10 người, trong đó số DN dưới 10 lao động chiếm tỷ lệ 77%; từ 10 đến 50 lao động chiếm tỷ lệ 19%; trên 50 lao động là 05 DN chiếm tỷ lệ 3%, dẫn đến số người tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN của DN không cao, trong đó: 89 DN có dưới 5 lao động đóng BHXH, BHYT, BHTN, chiếm tỷ lệ 50,3%; Từ 5 - 20 lao động có 68 DN, chiếm tỷ lệ 38,4%; từ 21 - 50 lao động có 16 DN, chiếm tỷ lệ 9,0%; chỉ có 04 DN có trên lao động tham gia đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chiếm tỷ lệ 2,3%. Với hình thức DN vừa và nhỏ nên DN chủ yếu sử dụng nguồn vốn tự có, chiếm tỷ lệ 83%; không có DN chỉ sử dụng nguồn vốn vay; số DN vừa sử dụng vốn tự có và vốn vay chiếm tỷ lệ 16%. Mức doanh thu của DN hằng năm cũng không lớn, trong đó: Từ 100 triệu đồng - 500 triệu đồng là 59 DN, chiếm tỷ lệ 33,1%; Trên 500 triệu đồng - 1 tỷ đồng là 43 DN, chiếm tỷ lệ 24,2%; Trên 1 tỷ - 5 tỷ đồng là 46 DN, chiếm tỷ lệ 25,8%; Trên 5 tỷ đồng là 30 DN, chiếm tỷ lệ 16,9%.

Bảng 2.3. *Thống kê số liệu đăng ký, thực hiện nghĩa vụ thuế của các doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn*

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

Năm	DN đăng ký nộp thuế mới	DN đăng ký giải thể, phá sản, ngừng hoạt động	Số DN (tính đến ngày 31/12)						
			Tổng số DN	DN tư nhân	Công ty TNHH	Công ty Cổ phần	Loại hình khác	Tổng số thuế đã nộp (triệu đồng)	Tổng số lao động DN kê khai
2014	62	87	554	131	244	174	5	129.126	
2015	91	138	637	143	294	194	6	145.252	
2016 (Đến hết ngày 30/9)	85	79	718	155	341	216	6	95.515	

Nguồn Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn

Bảng 2.4. So sánh số liệu DN đăng ký kinh doanh và giải thể, phá sản với DN đăng ký thực hiện nghĩa vụ thuế

Năm	DN đăng ký kinh doanh mới	DN đăng ký nộp thuế mới	Chênh lệch	DN giải thể, phá sản, ngừng hoạt động	DN đăng ký giải thể, phá sản, ngừng hoạt động	Chênh lệch
2014	47	62	15	50	87	37
2015	75	91	16	33	138	105
2016 (Đến hết ngày 30/9)	71	85	14	37	79	42

Nguồn: Sở Kế hoạch - Đầu tư và Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn

Qua bảng số liệu trên chúng ta thấy:

Số DN thành lập mới và số DN giải thể, phá sản, ngừng hoạt động cũng như tổng số DN thực hiện nghĩa vụ nộp thuế có sự chênh lệch, cụ thể:

- Số DN thành lập mới và đăng ký nộp thuế: Năm 2014 cao hơn số DN đăng ký kinh doanh mới do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp là 15 đơn vị, năm 2015 cao hơn 16 đơn vị và năm 2016 cao hơn 14 đơn vị.

- Số DN giải thể, phá sản, ngừng hoạt động đăng ký với cơ quan thuế: Năm 2014, cao hơn số liệu DN phá sản, giải thể, ngừng hoạt động do Sở Kế

hoạch và Đầu tư cung cấp là 37 đơn vị; năm 2015 cao hơn 105 đơn vị và năm 2016 cao hơn 42 đơn vị.

2.2.2. Thực trạng đăng ký tham gia và đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN của các DN

** Số đối tượng, số DN tham gia BHXH, BHYT, BHTN và số thu*

Bảng 2.5. Số đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại các DN (từ 2014-2016)

Năm	Số đối tượng	Số tăng, giảm	Tỷ lệ (%) tăng, giảm
2014	5.254	-72	1,35%
2015	5.268	+14	0.26%
2016	5.016	-252	4,78%

Nguồn: BHXH tỉnh Bắc Kạn

Qua bảng số liệu chúng ta thấy:

Số đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại các DN không ổn định, biến động qua các năm, trong đó số lượng tăng rất ít (năm 2015 tăng 14 người, tỷ lệ tăng 0,26%) nhưng số lượng giảm lại cao hơn (năm 2014, giảm 72 người so với năm 2013, tỷ lệ giảm 1,35%; năm 2016, giảm 252 người, tỷ lệ giảm 4,78%). Vấn đề này là do những năm qua, tỉnh Bắc Kạn chịu nhiều khó khăn bởi tình trạng suy thoái kinh tế, số DN phải hoạt động cầm chừng, nhất là những DN hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, giao thông là rất lớn do nguồn vốn của ngân sách nhà nước, ngân sách tỉnh đầu tư vào dự án bị cắt giảm nghiêm trọng, nhiều công trình xây dựng, giao thông đang triển khai phải dừng như: công trình đường giao thông huyện Na Rì; nhiều công trình đã được phê duyệt nhưng không có nguồn vốn để triển khai ... dẫn đến DN phải ngừng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng, cắt giảm số lao động. Tuy nhiên, số đơn vị lại tăng qua các năm.

So sánh, đối chiếu với số liệu do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp chúng ta thấy: Số người lao động tại các DN tham gia BHXH, BHYT, BHTN năm 2014 mới đạt khoảng 44,3%, còn 6.609 người chưa tham gia; năm 2015 mới đạt

khoảng 41,8%, còn 7.330 người chưa tham gia; năm 2016 mới đạt khoảng 37%, còn 8.530 người chưa tham gia.

Qua phát phiếu khảo sát đối với 375 lao động ta thấy:

Có 355 người đã được đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN (94,7%), còn 20 lao động (5,3%) chưa được tham gia BHXH, BHYT, BHTN. NLD tham gia BHXH, BHYT, BHTN có độ tuổi từ 20-30 tuổi chiếm tỷ lệ 38,4%, từ 30-50 tuổi chiếm tỷ lệ 59,5%, trên 50 tuổi trở lên là 2,1%; dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ 40,8%, dân tộc Tày chiếm tỷ lệ 50,9%.

Còn nhiều NLD chưa được đào tạo về chuyên môn kỹ thuật, trong đó số lượng người có trình độ trung cấp nghề trở lên chiếm tỷ lệ 74%; lao động chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ 10%; Công nhân kỹ thuật không có bằng nghề chiếm tỷ lệ 5% và người có chứng chỉ nghề, giấy chứng nhận học nghề chiếm tỷ lệ 11%.

Về cơ cấu công việc của NLD tại DN: Chủ yếu là Lao động chuyên môn, nghiệp vụ như kế toán, kỹ thuật, chiếm tỷ lệ 43%; Lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh 27%; Nhân viên hành chính, phục vụ 25% và Nhóm Quản lý (Giám đốc/Phó Giám đốc) 5%.

Đa số DN đã thực hiện ký kết hợp đồng lao động với NLD, trong đó: Không xác định thời hạn chiếm tỷ lệ 85%; Xác định thời hạn từ đủ 3 tháng đến dưới 36 tháng chiếm tỷ lệ 13%; còn 2% NLD được giao kết hợp đồng lao động dưới 3 tháng hoặc chưa được giao kết hợp đồng lao động.

Hình thức trả lương của DN chủ yếu là trả lương theo thời gian (84%); 6% NLD được trả lương theo sản phẩm và 10% được trả lương khoán. Như vậy, cho thấy thu nhập của NLD cơ bản là ổn định. Đồng thời, 86% NLD cũng đã được doanh nghiệp kịp thời điều chỉnh mức tiền lương khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương tối thiểu vùng; 14% chưa được điều chỉnh kịp thời.

Bảng 2.6. Số DN tham gia BHXH, BHYT, BHTN (2014-2016)

Năm	Số đơn vị	Số tăng, giảm	Tỷ lệ (%) tăng, giảm
2014	264	+14	5,6%
2015	286	+22	8,3%
2016	292	+6	2.09%

Nguồn: BHXH tỉnh Bắc Kạn

Qua bảng số liệu chúng ta thấy:

Hàng năm đều gia tăng số DN tham gia BHXH, BHYT, BHTN. Điều này phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của tỉnh, một số DN, công ty được thành lập mới. Hơn thế nữa các DN đã ngày càng có ý thức hơn về việc tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ vừa giúp họ yên tâm công tác sản xuất, vừa giúp người chủ sử dụng lao động tránh được các chi phí khi xảy ra rủi ro trong quá trình lao động (tai nạn, ốm đau, thai sản, bệnh nghề nghiệp...). Tuy nhiên, việc gia tăng không đều, trong đó gia tăng mạnh nhất là năm 2015 với 22 DN, tỷ lệ tăng 8,3%. Số liệu này cũng tương ứng với tỷ lệ gia tăng NLĐ trong năm 2015 tại bảng 2.1. ở trên. Các năm 2014 và 2016, tỷ lệ tăng DN thấp hơn, do đó số đối tượng tham gia cũng giảm.

So sánh, đối chiếu với số liệu do Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh cung cấp ta thấy:

Bảng 2.7: Số liệu so sánh về đơn vị tham gia BHXH, BHYT, BHTN

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

Năm	Số DN tham gia BHXH, BHYT, BHTN	Số DN do Sở KH&ĐT quản lý		Số DN do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	
		Tổng số	Tăng, giảm so với số DN đóng BHXH, BHYT, BHTN	Tổng số	Tăng, giảm so với số DN đóng BHXH, BHYT, BHTN
2014	264	931	+667	554	+290
2015	286	1.002	+716	637	+351
2016	292	1.076	+784	718	+426

Như vậy, giữa số DN tham gia BHXH, BHYT, BHTN và số DN đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch - Đầu tư cung cấp và số DN thực hiện nghĩa vụ nộp thuế có sự chênh lệch rất lớn, trong đó số DN đăng ký kinh doanh là cao nhất, tiếp đến là DN thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, thấp nhất là DN tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

Qua khảo sát tại 178 DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn thấy: Có 177 DN đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN (99,4%), còn 01 DN chưa tham gia (0,6%).

Việc tăng giảm số đối tượng và số đơn vị tham gia BHXH, BHYT, BHTN sẽ ảnh hưởng đến số thu BHXH, BHYT, BHTN tại DN. Cụ thể:

Bảng 2.8. Số thu BHXH, BHYT, BHTN của các DN (2014-2016)

Năm	Số thu (đồng)	Số tăng, giảm (đồng)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm
2014	57.563.738.793	+5.436.814.684	10,4%
2015	67.387.257.245	+9.823.518.452	17%
2016	76.525.460.343	+9.138.203.098	11,9%

Nguồn: BHXH tỉnh Bắc Kạn

Qua bảng số liệu chúng ta thấy:

Số thu BHXH, BHYT, BHTN tăng qua các năm, trong đó số thu của năm 2015 tăng nhiều nhất vì như đã phân tích ở trên, số đơn vị và số đối tượng tham gia năm 2015 đều tăng. Bên cạnh đó, việc gia tăng số thu cũng do nguyên nhân nhà nước điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng của DN, trong đó: Năm 2014, áp dụng mức lương tối thiểu vùng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là 1.900.000 đồng theo Nghị định 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; năm 2015, áp dụng mức lương tối thiểu vùng 2.150.000 đồng/tháng (riêng thành phố Bắc

Kạn áp dụng mức tối thiểu của vùng III là 2.400.000 đồng/tháng từ tháng 5/2015 theo Nghị quyết của Chính phủ về chuyển thị xã Bắc Kạn lên thành thành phố Bắc Kạn) theo quy định tại Nghị định 103/2014/NĐ-CP ngày 11/11/2014 của Chính phủ; năm 2016, áp dụng mức lương tối thiểu vùng 2.700.000 đồng/tháng đối với DN thuộc thành phố Bắc Kạn và mức 2.400.000 đồng/tháng đối với DN trên địa bàn các huyện còn lại của tỉnh Bắc Kạn theo Nghị định 122/2015/NĐ-CP ngày 14/11/2015 của Chính phủ.

Từ năm 2015, các đơn vị đã dần quan tâm đến việc xây dựng thang lương, bảng lương theo quy định của Bộ luật Lao động làm căn cứ để trả lương cho NLĐ, do đó mức lương và số tiền đóng nộp của DN cũng tăng.

Các biện pháp quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN của BHXH tỉnh Bắc Kạn ngày càng đạt hiệu quả cao, bên cạnh đó là sự phối hợp giúp đỡ của các sở, ngành chức năng trên địa bàn tỉnh và sự nỗ lực của mỗi cán bộ làm công tác thu cùng những biện pháp thu hợp lý. Nhờ vậy đã hạn chế dần tình trạng trốn đóng và nợ đọng kéo dài, công tác tuyên truyền cũng thực sự hiệu quả, đi vào cuộc sống, nâng cao nhận thức của NLĐ và chủ sử dụng lao động.

Qua khảo sát tại 178 DN thấy: Đa số DN thực hiện đóng BHXH theo định kỳ hằng tháng, chiếm tỷ lệ 92,7%; hằng quý chiếm tỷ lệ 5,6%; một số doanh nghiệp thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN khi cần giải quyết chế độ cho người lao động, chiếm tỷ lệ 1,7%. Số lao động tham gia không nhiều nên số tiền trích đóng BHXH, BHYT, BHTN hằng tháng của DN không cao, trong đó: Dưới 5 triệu đồng có 109 DN, chiếm tỷ lệ 61,6%; Từ 5 - 10 triệu đồng có 35 DN, chiếm tỷ lệ 19,8%; Trên 10 triệu -50 triệu đồng có 28 DN, chiếm tỷ lệ 15,8%; Trên 50 triệu đồng có 5 DN, chiếm tỷ lệ 2,8%.

** Số nợ BHXH, BHYT, BHTN của các DN*

Bảng 2,8. Số nợ BHXH, BHYT, BHTN của các DN (từ 2014 - 2016)

Năm	Số thu (đồng)	Nợ BHXH, BHYT, BHTN của các DN			
		Số nợ (đồng)	Tỷ lệ (%) nợ so với tổng số thu	Số tăng, giảm (đồng)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm
2014	57.563.738.793	10.619.611.958	18,4	+3.693.935.270	53%
2015	67.387.257.245	9.989.981.520	14,8	- 629.630.438	5,9%
2016	76.525.460.343	8.186.550.750	10,7	- 1.803.430.770	18%

Nguồn: BHXH tỉnh Bắc Kạn

Qua bảng số liệu chúng ta thấy:

Số nợ BHXH, BHYT, BHTN của các DN giảm dần qua các năm. Điều này cho thấy ý thức đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN của DN cũng dần được nâng lên; đồng thời sự phối hợp của cơ quan BHXH với các sở, ngành trong công tác đôn đốc thu, thu hồi nợ đọng BHXH cũng ngày càng được quan tâm thực hiện. Tổ công tác liên ngành thu nợ BHXH, BHYT, BHTN của tỉnh Bắc Kạn được thành lập năm 2010 theo Quyết định số 2391/QĐ-UBND ngày 9/11/2010 của UBND tỉnh Bắc Kạn. Phó Chánh thanh tra tỉnh làm Tổ trưởng, các thành viên gồm đại diện cán bộ, công chức các Sở, Ngành: BHXH tỉnh, Sở LĐ-TB & XH tỉnh, Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên đoàn Lao động, Cục Thuế tỉnh. Nhiệm vụ của Tổ là rà soát, tổng hợp danh sách người lao động thuộc diện tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại các đơn vị và đôn đốc các đơn vị đăng ký tham gia và đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN theo quy định. Khi có thay đổi về thành viên, BHXH tỉnh Bắc Kạn đều kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh Bắc Kạn để kiện toàn, bổ sung, thay thế. Quá trình hoạt động của Tổ công tác liên ngành thu nợ BHXH, BHYT đã mang lại một số hiệu quả nhất định, tuy nhiên việc thực hiện nhiệm vụ rà soát, tổng hợp danh sách người lao động thuộc diện tham gia BHXH, BHYT, BHTN còn khó khăn, chưa thực hiện thường xuyên và chưa đạt hiệu quả. Sự phối hợp giữa ngành Lao động TBXH,

Sở Kế hoạch-Đầu tư, ngành BHXH, Thuế... trong công tác kiểm tra còn chưa thực sự gắn kết, chưa phát huy được hiệu quả, do vậy việc nắm vững được số lượng lao động, số DN có trên địa bàn là rất khó, nhiều DN có đăng ký địa điểm giao dịch nhưng trên thực tế đã thay đổi do vậy rất khó khăn cho công tác kiểm tra, đối chiếu, đôn đốc, thu nộp BHXH, BHYT, BHTN.

So sánh với số thu BHXH, BHYT, BHTN qua các năm, số nợ chiếm tỷ lệ cao so với tổng thu BHXH, BHYT, BHTN đối với các DN, cụ thể: năm 2014, chiếm tỷ lệ 18,5%; năm 2015, chiếm tỷ lệ 14,8%; năm 2016, chiếm tỷ lệ 10,7%.

Việc Chính phủ áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ đã ảnh hưởng lớn tới một bộ phận các DN trong nước cũng như trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, khó khăn trong việc huy động vốn đã khiến các DN hoạt động khó khăn, dẫn đến nhiều DN bị phá sản, phải đóng cửa hoặc chuyển sang các lĩnh vực kinh doanh khác. Điều này làm cho số thu BHXH, BHYT, BHTN tại các DN cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Một số DN ngừng hoạt động không làm thủ tục phá sản gây ảnh hưởng đến công tác quản lý thu đối với đơn vị.

Qua khảo sát tại DN và NLD thấy: 86% người lao động đã được DN thực hiện việc trích tiền lương đóng BHXH, BHYT, BHTN hằng tháng theo quy định; 14% người lao động chưa được đảm bảo do doanh nghiệp vi phạm quy định về đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, trong đó 4% trích đóng khi cần đóng nộp cho cơ quan BHXH để giải quyết chế độ; 10% không được trích đóng.

2.2.3. Đánh giá chung về thực trạng tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

2.2.3.1. Những thành công và nguyên nhân

Trong những năm qua, đã luôn nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của BHXH Việt Nam, sự quan tâm giúp đỡ của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, sự phối hợp chặt chẽ của các sở ngành, sự ủng hộ tham gia của các đơn vị có sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh trong công tác quản

lý thu đối với các đơn vị sử dụng lao động nói chung và các doanh nghiệp nói riêng, đảm bảo kịp thời quyền lợi cho NLĐ tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

BHXH tỉnh Bắc Kạn luôn quan tâm thực hiện tốt công tác quản lý thu đối với các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Cử cán bộ chuyên quản theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn đơn vị đăng ký tham gia và đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN; thường xuyên tổ chức kiểm tra DN trong thực hiện chế độ, chính sách BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ. Đội ngũ cán bộ viên chức của ngành BHXH tỉnh Bắc Kạn ngày càng được nâng cao cả về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, luôn ý thức trau dồi kiến thức về BHXH, BHYT, BHTN cũng như đạo đức nghề nghiệp và luôn nỗ lực hết mình để đạt hiệu quả cao trong công việc. Tạo môi trường làm việc lành mạnh, duy trì phát động phong trào thi đua khen thưởng. Chú trọng chọn lựa, đào tạo những cán bộ trẻ có bằng cấp, có năng lực và đạo đức để bồi dưỡng tạo nguồn kế cận đáp ứng ngày càng cao của yêu cầu công việc. Hệ thống tổ chức bộ máy của BHXH tỉnh Bắc Kạn gọn nhẹ, khoa học, đây là một trong những cơ sở để BHXH tỉnh Bắc Kạn hoạt động một cách có hiệu quả. Sự quản lý, điều hành, chỉ đạo tập trung thống nhất có hiệu quả mọi hoạt động từ BHXH tỉnh đến BHXH các huyện, thành phố, bám sát được thực tiễn yêu cầu chuyên môn, thực hiện nghiêm túc các quy định trong việc quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN, từ đó tạo được mối quan hệ chặt chẽ ba bên giữa: cơ quan Bảo hiểm xã hội, chủ sử dụng lao động và người lao động. Từ đó công tác quản lý thu đạt được hiệu quả qua từng năm, đảm bảo số thu được phát triển, thu đủ, đúng quy định, không làm thất thoát quỹ BHXH, BHYT, BHTN. BHXH tỉnh Bắc Kạn không ngừng cải tiến thủ tục hành chính trong các năm qua, nhất là các thủ tục trong công tác quản lý thu, thực hiện cơ chế thu một cửa ở hầu hết khâu, tất cả đầu mối, vì vậy đã giảm thiểu được các tiêu cực, phiền hà cho đơn vị tham gia, tạo mọi điều kiện thuận lợi để hướng dẫn, giải đáp những thắc mắc về thủ tục, khiếu nại cho đơn vị, khiến đơn vị hiểu rõ hơn về trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia, điều

đó dẫn tới ngày càng có nhiều DN tham gia vào nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN, khiến số thu mỗi năm đều phát triển, năm sau cao hơn năm trước. Bên cạnh đó, ngành BHXH tỉnh Bắc Kạn cũng quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang bị hệ thống CNTT giúp công tác thu được thuận lợi, đảm bảo nhanh, chính xác, hiệu quả, khiến cho việc quản lý thu đối với các đơn vị sử dụng lao động được cải thiện rõ rệt, cán bộ làm công tác thu cũng giảm tải được công việc, đồng thời nắm bắt được những doanh nghiệp còn đang nợ đọng, từ đó có thêm nhiều phương án đốc thu cũng như báo cáo với cơ quan chức năng xử lý, nhờ vậy mà tình trạng nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn có chiều hướng tích cực hơn.

Nhận thức về BHXH, BHYT, BHTN, ý thức chấp hành pháp luật của đơn vị sử dụng lao động ngày càng được nâng lên, chủ động hơn trong việc phối hợp với cơ quan BHXH để đăng ký tham gia và đóng nộp, giải quyết chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ. Nhận thức của NLĐ về vai trò, ý nghĩa của chính sách BHXH, BHYT, BHTN ngày càng được nâng cao; đời sống, thu nhập ngày càng ổn định nên quan tâm hơn đến chính sách BHXH, BHYT, BHTN.

2.2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

** Những hạn chế*

Mặc dù số DN tham gia BHXH, BHYT, BHTN và số thu đã tăng qua các năm. Tuy nhiên việc tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh còn một số hạn chế:

1. Qua thực tiễn công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra, còn nhiều DN và đơn vị chưa đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN nhưng chỉ bị phát hiện khi có sự phối hợp thanh tra, kiểm tra của các ngành khác với cơ quan BHXH. Như vậy, Ngành BHXH mới quản lý được số đối tượng do các DN đến đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN, chưa quản lý được số đối tượng, số DN thuộc diện phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

2. Theo số liệu do các Sở, Ngành liên quan cung cấp, đối chiếu với số liệu tham gia BHXH, BHYT, BHTN do BHXH tỉnh Bắc Kạn quản lý và số liệu khảo sát thì vẫn còn nhiều DN và NLĐ chưa đăng ký tham gia và đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN theo quy định.
3. Số NLĐ tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN những năm gần đây có chiều hướng giảm; số lao động tăng mới trên địa bàn tỉnh chủ yếu là ở các đơn vị hành chính sự nghiệp của nhà nước, làm ảnh hưởng đến công tác thu và phát triển đối tượng tham gia, do đó hằng năm, BHXH tỉnh Bắc Kạn đều không đạt chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHTN do BHXH Việt Nam giao.
4. Mức bình quân tiền lương đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN là thấp so với các nhóm đối tượng khác; hầu hết các DN đều chỉ đăng ký đóng BHXH, BHYT, BHTN bằng mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động chưa qua đào tạo và thêm 7% đối với người đã qua đào tạo; bên cạnh đó, doanh nghiệp đăng ký mức lương đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN thấp hơn mức lương thực trả cho NLĐ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của NLĐ và thất thoát quỹ BHXH, BHYT, BHTN. Trong khi đó, hầu hết hành vi vi phạm trên có sự đồng ý của NLĐ hoặc NLĐ không đồng ý nhưng không lên tiếng phản đối để bảo vệ quyền lợi cho mình.
5. Qua khảo sát cho thấy, mức lương đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN của NLĐ còn thấp. Số lao động có mức lương dưới 3 triệu đồng/tháng chiếm tỷ lệ 44%; từ 3 - 5 triệu đồng chiếm 47% và chỉ có 4% người lao động có mức lương trên 5 triệu đồng. Với mức lương như vậy, 32% (119/375) lao động được hỏi đã cho rằng, thu nhập không đáp ứng được mức sống của bản thân và gia đình; còn lại 68% cho rằng mức thu nhập trên đã đáp ứng được mức sống của bản thân và gia đình.

6. Tình trạng đóng BHXH, BHYT, BHTN không đúng thời gian quy định (chậm đóng, đóng không đầy đủ, nợ đọng, nợ dây dưa kéo dài) còn diễn ra ở nhiều DN. Số nợ đọng có giảm nhưng vẫn còn tồn tại ở nhiều đơn vị. Khối DN ngoài nhà nước là khối có nhiều đơn vị trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ nhất, dẫn đến số thu BHXH, BHYT, BHTN của khu vực này chiếm tỷ trọng cao song tỷ lệ nợ còn nhiều. Trong khi đó, khu vực này thu hút một lực lượng lớn lao động đến làm việc.
7. *Bên cạnh những khó khăn, hạn chế trên, trong thực tiễn tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn còn có những khó khăn, hạn chế sau:*
- Công tác kiểm tra thanh tra việc thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN của cơ quan BHXH cùng các cơ quan quản lý nhà nước tuy đã được thực hiện ngày một nhiều nhưng do thiếu chế tài xử phạt mạnh, các văn bản quy định xử phạt còn chưa rõ ràng, khoa học, bên cạnh đó lực lượng cán bộ làm công tác kiểm tra, thanh tra còn thiếu về số lượng, yếu về nghiệp vụ, dẫn tới hiệu quả của công tác này còn chưa cao, số nợ đọng thu hồi được vẫn còn quá ít so với tổng nợ mà đơn vị phải trả cho cơ quan BHXH.³
 - Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý với ngành BHXH còn chưa chặt chẽ, mặc dù có quy định bắt buộc các DN, chủ sử dụng lao động sau khi đăng ký kinh doanh phải đăng ký lao động với cơ quan quản lý lao động song đa phần các DN, chủ sử dụng lao động không thực hiện quy định này mà cũng không bị xử lý. Do đó, nhiều DN đặc biệt là các DN ngoài nhà nước luôn tìm cách để khai giảm hai yếu tố này nhằm làm giảm số phí phải nộp hàng tháng và xu hướng của các DN là luôn muốn nộp thấp số tiền BHXH, BHYT, BHTN. Về lao động, DN thường kéo dài thời gian học nghề của công nhân hoặc chỉ ký hợp đồng thời vụ (dưới 3 tháng) cho

người lao động. Về tiền lương đóng BHXH, BHYT, BHTN các DN không đưa các khoản phụ cấp của người lao động và danh sách trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, không báo tăng mức nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động được tăng lương. Tất cả những sai phạm này không chỉ làm ảnh hưởng đến kết quả thu BHXH, BHYT, BHTN mà còn trực tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động về các mức hưởng trợ cấp.⁴

- Công tác đôn đốc thu của cơ quan BHXH còn gặp nhiều khó khăn do: Nhiều chủ DN thiếu sự hợp tác với cán bộ chuyên quản của cơ quan BHXH khi đến đôn đốc thu; Nhiều DN khi chuyển địa điểm hoạt động không thông báo cho cơ quan BHXH.⁵
- Thực hiện Luật BHXH năm 2014, việc khởi kiện DN vi phạm về đóng BHXH, BHYT, BHTN do tổ chức Công đoàn thực hiện. Tuy nhiên, chưa có văn bản hướng dẫn về quy trình, thủ tục thực hiện. Ngoài ra, để khởi kiện được đối với đơn vị vi phạm, phải được sự đồng ý của toàn bộ người lao động trong đơn vị trong khi NLĐ vì nhiều lý do khác nhau như sợ mất việc làm ... nên không đề nghị khởi kiện đối với DN vi phạm.⁶

** Nguyên nhân hạn chế*

Từ phía nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan BHXH

- Hiện nay dù đã có nhiều ý kiến của các chuyên gia, các cơ quan chức năng, các lãnh đạo của ngành BHXH nhưng chế tài để xử lý các hình thức vi phạm việc đóng BHXH còn chưa được sửa đổi, bổ sung, chế tài chưa đủ mạnh để răn đe, hình thức xử phạt hành chính thì quá thấp (cao nhất là 30 triệu đồng), hơn nữa thẩm quyền thanh tra, xử phạt mới được giao cho cơ quan BHXH để thực hiện từ năm 2016 nhưng đến cuối năm 2016 mới được triển

³ Báo cáo chuyên môn hằng năm của BHXH tỉnh Bắc Kạn

⁴ Báo cáo kết quả 02 năm (2014-2015) thực hiện chính sách BHXH trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

⁵ Báo cáo chuyên môn hằng năm của BHXH tỉnh Bắc Kạn

⁶ Báo cáo của Liên đoàn Lao động tỉnh Bắc Kạn tại Hội nghị đối thoại chính sách BHXH, BHYT, BHTN với DN và NLĐ

khai nên bước đầu chưa đạt hiệu quả cao. Do đó, doanh nghiệp vẫn có xu hướng chiếm dụng tiền nộp BHXH, BHYT, BHTN để tiến hành sản xuất kinh doanh vì họ có thể không bị phạt hoặc có bị phạt thì mức phạt cũng chỉ bằng hoặc thấp hơn mức lãi suất ngân hàng.

- Hầu hết các DN ngoài nhà nước chưa quan tâm thành lập tổ chức công đoàn hoặc số lượng lao động ít nên không có tổ chức công đoàn hoạt động để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người lao động. Theo quy định tại Nghị định 98/2014/NĐ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ quy định: Doanh nghiệp có từ 3 người lao động là đảng viên chính thức trở lên đủ điều kiện thành lập tổ chức Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam; Doanh nghiệp có từ 5 đoàn viên công đoàn, hoặc người lao động có đơn tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam, đủ điều kiện thành lập tổ chức Công đoàn theo quy định của Luật Công đoàn và Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Qua khảo sát tại 178 DN, có 42 DN đã thành lập tổ chức công đoàn, chiếm tỷ lệ 23,6%; còn 136 DN chưa thành lập tổ chức công đoàn, chiếm tỷ lệ 76%. *Lý do chưa thành lập đó là:* DN mới thành lập, hoạt động chưa ổn định; DN ít người, hoạt động còn khó khăn; DN chưa biết về việc thành lập tổ chức công đoàn; DN thấy không cần thiết phải thành lập tổ chức công đoàn...

- Nhà nước chưa ban hành các văn bản quy định đối với các cơ quan quản lý nhà nước như: Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Lao động Thương binh Xã hội, ngành Thuế trong việc phải cung cấp thông tin về đơn vị đăng ký kinh doanh, số lao động làm việc, hay mức lương lao động được trả, dẫn tới sự khó khăn trong công tác nắm đối tượng của cơ quan BHXH, muốn nắm được những thông tin này đòi hỏi cán bộ BHXH phải xuống từng địa bàn quản lý để kiểm tra, đồng thời tuyên truyền, hướng dẫn họ tham gia nhưng việc này đạt hiệu quả chưa cao, tình trạng trốn đóng, đóng không đủ số lượng vẫn xảy ra.⁷

⁷ Báo cáo kết quả 02 năm (2014-2015) thực hiện chính sách BHXH trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

- Công tác thông tin tuyên truyền, giải đáp các chế độ BHXH, BHYT, BHTN tuy đã được thực hiện nhưng tần suất tuyên truyền thưa, không định kỳ, việc thực hiện còn chưa thực hiện thường xuyên, liên tục. Nội dung và hình thức tuyên truyền vẫn còn nhiều hạn chế, chưa có nhiều đổi mới, cải tiến trong các hình thức tuyên truyền do đó chưa thực sự được sự quan tâm của người lao động.

- Trình độ cán bộ làm công tác quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN còn chưa đồng đều, một số ít cán bộ còn chưa đáp ứng được yêu cầu công việc đề ra, việc tra dồi chuyên môn nghiệp vụ còn yếu, xử lý công việc nhiều khi dựa vào cảm tính, máy móc, không khoa học, nhiều cán bộ quản lý thu cũng chưa xuống tận địa bàn quản lý để đi sâu đi sát thực tế, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý thu, làm cho việc xử phạt trở nên khó khăn, tình trạng nợ đọng vẫn tiếp diễn.

Nguyên nhân từ phía các đơn vị sử dụng lao động

- Chủ sử dụng lao động nhất là DN tư nhân còn trốn tránh trách nhiệm trong việc đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Số tiền chủ sử dụng lao động phải nộp cho người lao động là 22% trong khi người lao động chỉ có 10,5% trên mức lương cơ bản ghi trên hợp đồng nên chủ sử dụng lao động thường trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN.

- Công tác phổ biến pháp luật của các cấp, các ngành, các cơ quan báo đài về BHXH, BHYT, BHTN chưa thường xuyên, sâu rộng, công tác tuyên truyền mới tập trung ở ngành BHXH nên nhận thức của người sử dụng lao động và người lao động về trách nhiệm, quyền lợi trong việc thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN còn hạn chế.

- Phần lớn các DN ngoài nhà nước đặc biệt là các DN dưới 10 lao động do mới thành lập nên chưa có khả năng đóng BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ hoặc đóng nhưng không đầy đủ số lao động của đơn vị.

- Các chủ sử dụng lao động không tự giác đăng ký tham gia nộp BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ. Cũng có những DN đăng ký thành lập nhưng không hoạt động hay hoạt động trong thời gian ngắn rồi giải thể nên cơ quan BHXH không có cơ sở để thực hiện thu BHXH, BHYT, BHTN.

- NLĐ trong các DN ngoài nhà nước thường không ổn định ra vào liên tục nên chủ sử dụng lao động nhiều khi không muốn tham gia cho NLĐ vì không biết họ có làm việc lâu dài cho mình không.

Nguyên nhân từ phía người lao động

- Hầu hết NLĐ đều hiểu biết về trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia BHXH, BHYT, BHTN nhưng do sức ép vì việc làm nên NLĐ không dám đấu tranh với chủ sử dụng lao động để đòi hỏi quyền được tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

- Một số ít người lao động do nhận thức về BHXH, BHYT, BHTN còn hạn chế, chưa ý thức được lo cho tương lai nên muốn phần đóng BHXH, BHYT, BHTN được trả thẳng vào lương để tăng thêm thu nhập ngay trước mắt lo cho cuộc sống cho hiện tại.

2.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

2.2.4.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Kạn

Bắc Kạn được tự nhiên ưu đãi cho nhiều tiềm năng phát triển kinh tế xã hội với nguồn tài nguyên rừng, đất rừng, khoáng sản phong phú và vườn Quốc gia Ba Bể, nơi có hồ Ba Bể - một trong 20 hồ nước ngọt lớn trên thế giới.

Tuy nhiên, vị trí của tỉnh có địa hình núi cao, lại ở sâu trong nội địa nên gặp nhiều khó khăn trong việc trao đổi hàng hoá với các trung tâm kinh tế lớn cũng như các cảng biển. Cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng yếu kém và thiếu đồng bộ, mạng lưới giao thông chủ yếu trong tỉnh chỉ là đường bộ nhưng chất lượng đường lại kém nên không thu hút được các dự án đầu tư lớn. Nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông lâm nghiệp nhưng diện tích đất trồng rừng chủ yếu là

đồi núi cao, có độ dốc lớn, xa đường giao thông nên khó khăn trong việc vận chuyển cây giống và khai thác rừng trồng, công nghiệp và dịch vụ nhỏ bé và chưa phát triển nên sản phẩm sản xuất ra chưa có sức cạnh tranh. Điểm xuất phát về kinh tế - xã hội rất thấp, khả năng đáp ứng về nguồn vốn cho phát triển kinh tế xã hội còn hạn chế. Thiếu đội ngũ lao động kỹ thuật, công nhân lành nghề, các nhà kinh doanh am hiểu và thích nghi với cơ chế thị trường.

Chính vì vậy, việc phát triển các doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh còn gặp khó khăn; các doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu có quy mô nhỏ và vừa, nguồn vốn còn hạn chế, hoạt động thiếu bền vững, ổn định, nhất là tình trạng khó khăn của nền kinh tế như hiện nay, các DN của tỉnh Bắc Kạn càng bị ảnh hưởng nặng nề hơn, nhiều DN phá sản, ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp sản xuất, dẫn đến việc tham gia và đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN còn gặp khó khăn, hạn chế, DN thì không có vốn để kinh doanh, tình trạng nợ đọng diễn ra theo chiều hướng xấu.

2.2.4.2. Chính sách pháp luật về tiền lương, chế độ BHXH, BHYT, BHTN

Các DN ngoài nhà nước của tỉnh Bắc Kạn chủ yếu đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN bằng mức lương tối thiểu vùng đối với những người chưa qua đào tạo và tăng thêm 7% đối với những người đã qua đào tạo. Khi nhà nước tăng mức lương tối thiểu vùng thì mức đóng BHXH, BHYT, BHTN cũng phải tăng lên. Do đó, số thu BHXH, BHYT, BHTN của các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tăng lên khi Nhà nước điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng.

2.2.4.3. Về quy định về xử phạt vi phạm Luật BHXH, BHYT, BHTN

Các quy định về xử phạt vi phạm Luật BHXH, BHYT, BHTN chưa đủ mạnh và mang tính răn đe cần thiết, mức phạt chậm đóng đối với đơn vị nợ tiền BHXH, BHYT, BHTN thấp hơn hoặc bằng mức lãi suất ngân hàng nên nhiều DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn vẫn cố tình chậm nộp, nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN, chiếm dụng tiền đóng đóng BHXH, BHYT,

BHTN của NLĐ để đầu tư kinh doanh sinh lời, ảnh hưởng quyền lợi của người lao động cũng như gây thiệt hại nặng nề cho Quỹ BHXH, BHYT, BHTN của tỉnh.

Việc kiểm tra, xử lý vi phạm chưa thường xuyên, hiệu quả, chủ yếu là các đợt thanh tra, kiểm tra liên ngành do BHXH tỉnh Bắc Kạn đề xuất thực hiện; các ngành như Thanh tra, Y tế, Lao động – Thương binh và Xã hội chưa thực sự chủ động thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành nên tình trạng vi phạm pháp luật của các DN ngoài nhà nước của tỉnh Bắc Kạn không được ngăn chặn kịp thời, nhiều DN không đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ nhưng không bị xử lý dẫn đến việc chấp hành pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN không nghiêm.

Bên cạnh đó, là một tỉnh nghèo, việc thu hút đầu tư phát triển kinh tế, phát triển DN gặp khó khăn, do đó việc đề xuất xử phạt đối với DN hầu hết không được chính quyền địa phương các cấp thực hiện hoặc có ban hành quyết định xử phạt nhưng doanh nghiệp vẫn cố tình không chấp hành, trong khi địa phương chưa thực sự quyết liệt trong xử lý vi phạm pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN.

2.2.4.4. Công tác tuyên truyền về hệ thống pháp luật và quy định BHXH, BHYT, BHTN

Qua khảo sát, các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tìm hiểu về BHXH, BHYT, BHTN dưới nhiều hình thức nhưng chủ yếu qua hệ thống thông tin đại chúng và qua cán bộ thu BHXH, BHYT, BHTN, cá biệt có trường hợp DN tự tìm hiểu. Điều này cho thấy, hoạt động tuyên truyền đối với các DN chưa thường xuyên, cơ quan BHXH tổ chức hội nghị tuyên truyền chưa nhiều, DN chưa được tuyên truyền trực tiếp về pháp luật BHXH, BHYT, BHTN. Bên cạnh đó, người sử dụng lao động lại muốn tiết kiệm một phần chi phí sản xuất kinh doanh đáng lẽ ra phải đóng góp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động của mình.

Đối với người lao động, qua khảo sát, 100% người lao động đã nhận thức được vai trò của chính sách BHXH, BHYT, BHTN là quan trọng. Đồng thời, vấn đề người lao động quan tâm đối với chính sách BHXH, BHYT, BHTN, đó là: Về mức đóng 56/375 người (chiếm tỷ lệ 15%); Về chế độ **hưởng 145/375 người (chiếm tỷ lệ 39%); Quan tâm đến cả mức đóng và chế độ hưởng là 174/375 người (chiếm tỷ lệ 46%)**. Tuy nhiên, do điều kiện về thu nhập cũng như chưa thấy được lợi ích lâu dài của chính sách BHXH, BHYT, BHTN mang lại nên chưa quyết liệt trong việc yêu cầu chủ DN đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN hoặc yêu cầu đóng đúng mức đóng theo quy định.

Có lúc, có nơi người lao động và người sử dụng lao động đã đồng tình với nhau để không tham gia BHXH, BHYT, BHTN, họ mong có được thêm một khoản thu nhập từ nguồn tiền đóng vào quỹ BHXH, BHYT, BHTN, họ sử dụng tiền đóng để chia nhau. Cũng có tình trạng một số doanh nghiệp đã cố tình chiếm dụng số tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN để sử dụng làm vốn hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó gây ra tình trạng né tránh, nợ đọng tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN.

Việc tuyên truyền chủ yếu do BHXH tỉnh Bắc Kạn thực hiện, trong khi số lượng công việc chuyên môn lớn, dẫn đến chưa thường xuyên liên tục, hiệu quả chưa cao. Để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền về BHXH, BHYT, BHTN, giúp NLĐ và chủ DN nhận thức đầy đủ và chấp hành nghiêm chỉnh hơn, ngành BHXH cần phải đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền; cấp ủy đảng, chính quyền địa phương cũng cần phải tăng cường chỉ đạo các đơn vị có liên quan tích cực, chủ động và phối hợp với BHXH tỉnh Bắc Kạn và BHXH các huyện, thành phố tổ chức các hoạt động thường xuyên, trực tiếp tại từng DN, mang lại hiệu quả trong thực hiện các chính sách BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn.

2.2.4.5. Đội ngũ cán bộ BHXH tỉnh Bắc Kạn

Đội ngũ cán bộ viên chức của ngành BHXH tỉnh Bắc Kạn ngày càng được nâng cao cả về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, luôn ý thức

trau dồi kiến thức về BHXH, BHYT, BHTN cũng như đạo đức nghề nghiệp và luôn nỗ lực hết mình để đạt hiệu quả cao trong công việc.

Hệ thống tổ chức bộ máy của BHXH tỉnh Bắc Kạn gọn nhẹ, khoa học, đây là một trong những cơ sở để BHXH tỉnh Bắc Kạn hoạt động một cách có hiệu quả. Sự quản lý, điều hành, chỉ đạo tập trung thống nhất có hiệu quả mọi hoạt động từ BHXH tỉnh đến BHXH các huyện, thành phố, bám sát được thực tiễn yêu cầu chuyên môn, thực hiện nghiêm túc các quy định trong việc quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN đối với DN, tạo được mối quan hệ chặt chẽ ba bên giữa: cơ quan Bảo hiểm xã hội, chủ sử dụng lao động và người lao động. Từ đó công tác quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN đạt được hiệu quả qua từng năm, đảm bảo số thu được phát triển, thu đủ, đúng quy định, không làm thất thoát quỹ BHXH, BHYT, BHTN.

Bên cạnh đó, vẫn còn một số ít viên chức, năng lực trình độ chuyên môn còn hạn chế; ngoài ra, cán bộ BHXH tỉnh Bắc Kạn đa phần còn trẻ, kinh nghiệm công tác không nhiều trong khi hệ thống các văn bản nhất là văn bản về BHXH nhiều, lâu dài, dẫn đến gặp khó khăn trong quá trình thẩm định quản lý thu, cấp sổ BHXH và giải quyết chế độ cho người lao động, nhất là những trường hợp có thời gian công tác trước năm 1995.

Để thực hiện tốt công tác quản lý thu đối với các đơn vị sử dụng lao động nói chung và các DN ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn nói riêng, đòi hỏi mỗi viên chức BHXH tỉnh Bắc Kạn phải nắm vững và cập nhật thường xuyên, kịp thời các văn bản luật, nghị định, hướng dẫn từ các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện đối chiếu số liệu thu hằng tháng, bám sát DN để quản lý, hướng dẫn và đôn đốc thực hiện.

CHƯƠNG III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO TỶ LỆ ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHXH, BHYT, BHTN TẠI CÁC DN NGOÀI NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

3.1. Một số giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các DN ngoài nhà nước

3.1.1. Công tác tuyên truyền về BHXH, BHYT, BHTN

Trong thời gian qua, BHXH tỉnh Bắc Kạn cũng đã tổ chức nhiều đợt tuyên truyền về BHXH, BHYT, BHTN như: Phát tờ rơi, phát thanh trên các phương tiện thông tin truyền thông các cấp, tổ chức các buổi tập huấn nghiệp vụ, các buổi tọa đàm, đối thoại về chính sách BHXH, BHYT, BHTN trong đó có cả người lao động tham gia. Ngoài ra còn tổ chức các buổi hội diễn văn nghệ để quảng bá và ca ngợi ngành BHXH từ đó thu hút người lao động. Tuy nhiên các hình thức tổ chức trên không được thực hiện thường xuyên, nội dung chưa phong phú và hấp dẫn. Hơn nữa hình thức tổ chức chưa đa dạng do vậy hiệu quả đạt được không cao, số người tham gia nhiều chỉ mang tính hình thức. Vì thế cần phải đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền cả về nội dung và hình thức, những hoạt động này phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, sâu rộng với nhiều hình thức phong phú phù hợp với từng loại đối tượng.

** Về hình thức tuyên truyền:* Trên cơ sở thực tiễn công tác tuyên truyền tại BHXH tỉnh Bắc Kạn, trước hết cần tăng cường các hình thức tuyên truyền mang lại hiệu quả như: tuyên truyền thông qua cán bộ thu chuyên quản; tuyên truyền qua hệ thống phương tiện thông tin đại chúng; cấp phát tờ rơi... Bên cạnh đó, cần phải tổ chức nhiều hơn nữa các hội nghị tuyên truyền trực tiếp đến người lao động, địa điểm tuyên truyền nên tổ chức tại trụ sở doanh nghiệp, thời gian tổ chức không nên quá dài làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, do đó, nội dung tuyên truyền cũng cần ngắn gọn, thiết thực và liên quan trực tiếp đến người lao động.

* *Về nội dung tuyên truyền*: Nên lựa chọn những nội dung tuyên truyền phù hợp với các nhóm đối tượng.

- Đối với người lao động nói chung: Cần giải thích để họ thấy được số tiền mà họ phải trích từ lương ra đóng là hữu ích và hợp lý, cần nâng cao nhận thức cho người lao động hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của mình trong khi tham gia BHXH, BHYT, BHTN, nhất là lợi ích thiết thực mà NLĐ được hưởng khi tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

- Đối với những người lao động làm việc trong các ngành xây dựng, sản xuất kinh doanh, cán bộ BHXH cần phải tuyên truyền để họ thấy họ cần thiết phải có BHXH, BHYT, BHTN vì đây là những nơi rất dễ xảy ra rủi ro, tai nạn lao động do chủ sử dụng lao động không đảm bảo những điều kiện an toàn, kỹ thuật cho người lao động như: không trang bị đầy đủ những thiết bị an toàn lao động, sử dụng các thiết bị cũ nhập từ nước ngoài hoặc các máy móc tự chế không đảm bảo tiêu chuẩn quy định của nhà nước. Tai nạn lao động cũng có thể đến từ chính sự bất cẩn, thiếu hiểu biết, sự cẩu thả của người lao động do họ không được trang bị kiến thức, không được huấn luyện các phương pháp an toàn lao động. Chính những tình trạng trên tồn tại rất nhiều trong thực tế nên Tai nạn lao động, Bệnh nghề nghiệp thường xuyên xảy ra, khi xảy ra thì đặc biệt nghiêm trọng, mất mát về con người và tài chính là rất lớn. Do vậy họ cần phải đóng BHXH, BHYT để dần trải bớt rủi ro hoặc khi rủi ro xảy ra thì được hưởng BHXH, BHYT theo quy định.

- Đối với chủ sử dụng lao động: Khi người lao động gặp phải rủi ro thì việc kinh doanh cũng bị ảnh hưởng. Do vậy, tuyên truyền tham gia BHXH, BHYT cần nhấn mạnh để cho doanh nghiệp thấy được tham gia cho người lao động không chỉ là trách nhiệm mà còn là sự cần thiết trong việc đảm bảo công việc kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng (Đài truyền hình, truyền thanh, báo chí...) để tuyên truyền sâu rộng hơn về BHXH, BHYT,

BHTN. Nội dung tuyên truyền cần ngắn gọn, dễ hiểu, gây được sự chú ý của mọi người. Nêu gương những cá nhân, đơn vị điển hình trong thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT, BHTN để nhân rộng và kịp thời phê phán những đơn vị chưa chấp hành nghiêm túc, ảnh hưởng đến quyền lợi người lao động.

- Tăng cường thông tin tuyên truyền đối với các chủ thể như: các cán bộ xã phường bởi họ chính là những người nắm vững nhất về số liệu và loại hình doanh nghiệp trên địa bàn, từ đó họ có thể mang lại cho cơ quan BHXH thông tin rất quan trọng về những đơn vị, đối tượng thuộc diện bắt buộc tham gia BHXH, BHYT, BHTN. Thông qua các tổ chức công đoàn để tuyên truyền về chính sách BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động và từ đó để họ đấu tranh đòi người sử dụng lao động phải đăng ký tham gia và đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động .

- Tổ chức các hội nghị khách hàng, các cuộc họp, buổi tọa đàm nói chuyện về BHXH, BHYT, BHTN, trong đó có các đại diện của cơ quan bảo hiểm xã hội, chủ sử dụng lao động, đại diện của người lao động để nhằm mục đích tuyên truyền về BHXH, BHYT, BHTN giúp các bên tham gia hiểu rõ tính pháp luật của BHXH, BHYT, BHTN, nắm được quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Đồng thời qua đó nắm bắt tổng hợp các ý kiến thắc mắc đóng góp từ phía người lao động, chủ sử dụng lao động để đưa ra các biện pháp phù hợp với nguyện vọng của họ.

- Thiết lập một đường dây nóng nhằm giải đáp các thắc mắc có liên quan đến các vấn đề về BHXH, BHYT, BHTN để người dân có thể tìm hiểu ngay khi có nhu cầu. Phấn đấu mỗi cán bộ ngành BHXH là một tuyên truyền viên vì hơn ai hết họ hiểu rõ mục đích, bản chất, tác dụng và cách thức thực hiện các chính sách BHXH, BHYT, BHTN.

Ngoài tuyên truyền về các chính sách, chế độ hưởng BHXH, BHYT, BHTN, các văn bản của pháp luật, giải đáp hướng dẫn việc thực hiện các chế độ BHXH, BHYT, BHTN... Cần đặc biệt quan tâm tuyên truyền về mục đích,

bản chất nhân đạo của BHXH, BHYT, BHTN. Làm được điều đó thì sẽ từng bước thay đổi được tâm lý nặng nề của người lao động và chủ sử dụng lao động hiện nay là "bắt buộc" phải đóng BHXH, BHYT, BHTN. Giúp họ nhận thức được bản chất vấn đề, các quyền lợi được hưởng khi họ tham gia. Từ đó hình thành ở họ thái độ tự giác, tự nguyện tham gia và có trách nhiệm nộp BHXH, BHYT, BHTN.

3.1.2. Công tác mở rộng phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại doanh nghiệp

Trước hết phải huy động được sự tham gia của các cấp, các ngành đối với việc khai thác, mở rộng đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại DN. Do đó, cần phải tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN hàng năm cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh, giao chỉ tiêu hằng năm và 5 năm theo từng nhóm đối tượng, trong đó có đối tượng người lao động tại các doanh nghiệp. Tham mưu để có những chỉ đạo, đôn đốc hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện, hoàn thành các chỉ tiêu được giao, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện, có biện pháp động viên, khen thưởng kịp thời đối với những đơn vị thực hiện tốt, hoàn thành chỉ tiêu với kết quả cao nhất.

Khó khăn nhất đối cơ quan BHXH là xác định và quản lý được đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Cơ quan BHXH chủ yếu chỉ thu được BHXH, BHYT, BHTN từ số lao động mà các đơn vị, doanh nghiệp tự đăng ký đóng BHXH, BHYT, BHTN, mặt khác số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn chủ yếu có quy mô nhỏ dưới 10 lao động phát triển tương đối nhiều, chiếm số lượng lớn (chủ yếu trong các ngành dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp) nhưng phần nhiều là không tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, điều này gây thất thoát một số lượng không nhỏ nguồn thu BHXH, BHYT, BHTN hàng năm,

ảnh hưởng đến quyền lợi người lao động. Để khắc phục điều này cần có các biện pháp như :

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc quản lý và kiểm tra hoạt động của các đơn vị theo giấy phép đăng ký kinh doanh đã cấp. Hàng tháng Sở kế hoạch và Đầu tư cung cấp số đơn vị được cấp giấy phép trong kỳ để cơ quan BHXH tiếp cận hướng dẫn, quản lý đơn vị đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN góp phần hạn chế bỏ sót đối tượng thuộc diện tham gia. Thường xuyên phối hợp kiểm tra nếu phát hiện những đơn vị không thực hiện đúng giấy phép và chưa đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN thì kiên quyết rút giấy phép đăng ký kinh doanh.

- Phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội giám sát, quản lý số doanh nghiệp và số lao động hợp đồng làm việc trong từng đơn vị để xác định quan hệ lao động làm căn cứ tham gia BHXH, BHYT, BHTN, có như vậy mới có thể quản lý và đưa được số đối tượng thuộc diện phải tham gia vào hệ thống chính sách BHXH, BHYT, BHTN.

- Phối hợp với Liên đoàn lao động trong việc vận động tổ chức thành lập công đoàn ở các đơn vị doanh nghiệp ngoài quốc doanh nhằm đại diện hợp pháp và đảm bảo quyền lợi về chính sách BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Phát huy vai trò của tổ chức Công đoàn trong việc khởi kiện doanh nghiệp theo quy định của Luật BHXH.

- Phối hợp với Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh vận động thành lập các tổ chức cơ sở đảng tại các doanh nghiệp, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc việc đăng ký tham gia và đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, kịp thời cho người lao động.

- Khi các doanh nghiệp tham gia đấu thầu một lĩnh vực công việc nào đó thì hồ sơ dự thầu phải có xác nhận của cơ quan BHXH về tình hình thực hiện BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động của đơn vị, coi đây là một tiêu chí để xét năng lực nhà thầu.

3.1.3. Các giải pháp quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN đối với DN

Để nâng cao tỷ lệ đối tượng tham gia, cơ quan BHXH cũng cần phải tăng cường các biện pháp quản lý thu đối với doanh nghiệp. Thu BHXH, BHYT, BHTN phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật đảm bảo thu đúng, thu đủ, chống thất thu, nợ đọng để đảm bảo quyền lợi người lao động và khả năng cân đối quỹ BHXH, BHYT, BHTN. Để quản lý chặt chẽ số đối tượng, số thu BHXH, BHYT, BHTN của các doanh nghiệp, khắc phục việc không đăng ký tham gia cho người lao động và nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN cần có những biện pháp cụ thể sau:

Quản lý tốt và tiến hành theo dõi thường xuyên, liên tục từng loại đối tượng tham gia, mỗi cán bộ chuyên quản phải bám sát doanh nghiệp và NLĐ thuộc các khối ngành kinh tế được phân công, theo dõi báo tăng, giảm kịp thời, chính xác. Đối chiếu tăng, giảm lao động, diễn biến tổng quỹ lương của đơn vị, tiền lương, tiền công của người lao động, cập nhật kịp thời theo quy định. Kịp thời hướng dẫn doanh nghiệp đăng ký tham gia cho người lao động phát sinh tăng mới. Nếu phát hiện những dấu hiệu bất thường cần tiến hành kiểm tra, xác minh lại thông tin mà đơn vị đã khai báo cho cơ quan BHXH để tránh thất thu cho quỹ BHXH, BHYT, BHTN.

Khi có thay đổi, điều chỉnh về tiền lương cơ sở, tiền lương tối thiểu vùng của Chính phủ, cán bộ chuyên quản thu cần chủ động, nhạy bén trước những biến động về tổng quỹ tiền lương của đơn vị sử dụng lao động, kịp thời thông báo, hướng dẫn đơn vị lập trích nộp đúng theo quy định.

Tích cực vận động, khuyến khích các chủ doanh nghiệp thực hiện chi trả tiền lương, tiền công cho NLĐ thông qua tài khoản ATM, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan BHXH dễ dàng nắm bắt được diễn biến tiền lương, tiền công của từng đơn vị tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

Phối hợp chặt chẽ với Sở Lao động Thương binh và Xã hội để giám sát các đơn vị trong việc thực hiện các quy định của pháp luật như việc ký kết hợp

đồng và thực hiện các chính sách BHXH, BHTN. Đảm bảo 100% các đơn vị phải đăng ký thang bảng lương, trả lương cho người lao động qua Sở Lao động Thương binh Xã hội trước khi làm thủ tục tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, đảm bảo không xảy ra tình trạng đóng không đủ số người thuộc diện theo quy định, đóng không đúng mức lương đăng ký cho người lao động, tăng lương không đúng thời hạn hoặc không tăng lương cho người lao động...

Phối hợp với cơ quan Thuế để đối chiếu việc các đơn vị kê khai về lương trong hồ sơ tham gia BHXH, BHYT, BHTN khác với hồ sơ kê khai về lương để nộp thuế, từ đó hạn chế được tình trạng trốn tránh nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN.

Tăng cường công tác phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể trong công tác thu hồi nợ đọng tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN. Cần phải phối hợp có hiệu quả với Thanh tra, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Tổ công tác liên ngành, Công an, Cục Thuế, Liên đoàn Lao động tỉnh..., giao chỉ tiêu phấn đấu giảm nợ, số lượng đơn vị kiểm tra, thanh tra. Tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát chuyên đề và kiên quyết xử lý các đơn vị vi phạm pháp luật BHXH, BHYT, BHTN. Kiên quyết lập hồ sơ khởi kiện ra toà án đối với doanh nghiệp nợ BHXH, BHYT, BHTN kéo dài, đồng thời báo cáo UBND tỉnh để ngăn chặn sự trốn tránh nợ BHXH, BHYT, BHTN của chủ doanh nghiệp.

Phối hợp với cơ quan báo chí, đài truyền hình địa phương đánh giá phản ánh về nợ BHXH, BHYT, BHTN nhằm tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức, trách nhiệm tham gia là rất quan trọng. Cần thường xuyên tổ chức tổng kết, sơ kết đánh giá công tác thu BHXH, BHYT, BHTN, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm về công tác tổ chức thu, thu hồi nợ nhằm kịp thời chỉ ra những tồn tại, vướng mắc trong thực hiện và rút ra bài học kinh nghiệm, có biện pháp

tích cực hơn nữa đối với việc phát triển đối tượng, đơn đốc và thu hồi nợ BHXH, BHYT, BHTN.

3.1.4. Về cải cách thủ tục hành chính trong thực hiện BHXH, BHYT, BHTN.

Cải cách thủ tục hành chính trong tổ chức thực hiện BHXH, BHYT, BHTN là một việc làm quan trọng cấp thiết, thực hiện tốt việc cải cách thủ tục hành chính sẽ nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý thu, đồng thời, tác động đến niềm tin của người lao động và doanh nghiệp về hoạt động BHXH, BHYT, BHTN, từ đó giúp người tham gia BHXH, BHYT, BHTN hiểu rõ hơn về bản chất, tính nhân văn của BHXH, BHYT, BHTN, các quyền lợi chính đáng khi họ tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN. Các thủ tục thu nộp càng đơn giản gọn nhẹ càng giúp các doanh nghiệp cảm thấy phấn khởi, hào hứng và tích cực hơn vào việc đăng ký tham gia và đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN. Để làm được điều này cần:

Thực hiện tốt cơ chế một cửa ở tất cả các hệ thống BHXH từ cấp tỉnh, huyện. Thực hiện công khai các giấy tờ, văn bản hướng dẫn, các thủ tục tham gia BHXH, BHYT, BHTN trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm tránh cho các đối tượng hiểu sai quy định, làm sai quy định và phải đi lại giao dịch nhiều. Thực hiện cơ chế một cửa còn nhằm hạn chế các tình trạng tiêu cực, nhũng nhiễu, sai quy tắc của một số ít cán bộ BHXH cùng thông đồng với doanh nghiệp làm trái quy định của pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN, thực hiện cơ chế một cửa giúp hạn chế tối đa thời gian giải quyết công việc đối với đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN.

Thực hiện tốt cơ chế giao dịch BHXH điện tử về thu và cấp sổ BHXH, thẻ BHYT theo chỉ đạo của BHXH Việt Nam. Thực hiện giảm thời gian nộp bảo hiểm xã hội xuống còn không quá 49,5 giờ/năm theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Hiện nay các văn bản quy định của Nhà nước và các ban ngành về BHXH, BHYT, BHTN đôi khi còn chồng chéo, rườm rà, chưa thực sự hợp lý, sâu sát với tình hình thực tế, gây nhiều khó khăn cho quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN của đơn vị sử dụng lao động nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Từ cơ sở hệ thống văn bản quy định của Nhà nước về BHXH, BHYT, BHTN, BHXH tỉnh Bắc Kạn cần rà soát lại toàn bộ hệ thống các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của ngành để đề nghị bổ sung, sửa đổi hoặc bãi bỏ các quy định, thủ tục không còn phù hợp, tạo ra được một hệ thống các văn bản đồng bộ với quy trình quản lý khoa học, hợp lý thuận lợi cho việc áp dụng công nghệ quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN bằng các phần mềm mới, tiên tiến, hiện đại.

3.1.5. Sự phối hợp giữa các Sở, ngành với cơ quan BHXH

Qua thực tế triển khai thực hiện các hoạt động kiểm tra về BHXH, BHYT, BHTN của cơ quan BHXH đối với các doanh nghiệp thường mang lại hiệu quả không cao. Mặt khác, nếu mỗi lĩnh vực hoạt động như: thuế, an toàn lao động, quản lý lao động ... đều thực hiện các hoạt động kiểm tra riêng lẻ sẽ gây áp lực rất lớn đối với các doanh nghiệp. Do đó, các sở, ngành cần phối kết hợp để thực hiện các hoạt động thanh tra, kiểm tra liên ngành, thông qua đó, có thể đối chiếu giữa số lao động, hợp đồng lao động, số thu của doanh nghiệp đăng ký nộp BHXH, BHYT, BHTN và đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế..., kịp thời phát hiện trường hợp chưa tham gia để yêu cầu đăng ký tham gia theo quy định.

Việc phối hợp kiểm tra là rất cần thiết. Tuy nhiên, cũng cần phải có biện pháp xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm pháp luật như trốn đóng, không đăng ký tham gia hoặc đăng ký tham gia không đủ số người thuộc diện theo quy định, nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN... Thực tế từ khi thành lập BHXH tỉnh Bắc Kạn đến nay, đơn vị đã thường xuyên kiểm tra và phối hợp kiểm tra đối với các đơn vị sử dụng lao động, nhiều vi phạm pháp luật đã được phát hiện và đề nghị

cơ quan có thẩm quyền xử lý, tuy nhiên việc xử lý chưa kiên quyết, đến nay, cơ quan có thẩm quyền mới chỉ ra quyết định xử phạt đối với 01 doanh nghiệp, tuy nhiên không thu được số tiền xử phạt vi phạm hành chính và doanh nghiệp cũng không thực hiện yêu cầu buộc phải đóng nộp số tiền nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN. Điều này, phần nào ảnh hưởng đến ý thức đăng ký tham gia và đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN của doanh nghiệp và người lao động. Do đó, để đảm bảo thực hiện nghiêm chính sách BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn cần phải quyết liệt xử lý nghiêm các đơn vị vi phạm, đồng thời phối hợp để thực hiện tốt biện pháp trích tiền từ tài khoản tiền gửi của các đơn vị sử dụng lao động để nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN chưa đóng, chậm đóng và lãi phát sinh theo quy định tại Thông tư số 03/2008TTLT-BLĐTBXH-BTC-NHNN ngày 18/02/2008 giữa liên Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thủ tục buộc trích tiền từ tài khoản tiền gửi của người sử dụng lao động để nộp số tiền BHXH chưa đóng, chậm đóng và lãi phát sinh của số tiền chưa đóng, chậm đóng đó vào quỹ BHXH.

3.1.6. Giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức và hành chính về quản lý thu đối với doanh nghiệp

Hoàn thiện cơ cấu bộ máy BHXH

Cơ quan BHXH tỉnh Bắc Kạn nên xác định rõ chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm của từng cấp, từng bộ phận, từng cán bộ chuyên thu và giao trách nhiệm cho các đơn vị đó giải quyết xử lý trong phạm vi cho phép đồng thời thường xuyên giám sát kết quả hoạt động của các đơn vị trực thuộc mình quản lý.

Cần phải đánh giá đúng mặt mạnh và những điểm yếu của tổ chức bộ máy, từ đó thực hiện phân cấp, phân nhiệm phù hợp và định ra chiến lược phát triển về nội lực.

Hoàn thiện công tác quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN đối với doanh nghiệp: thực hiện cơ chế một cửa trong khâu tiếp nhận, cần có những đổi mới về phương pháp, công cụ quản lý trong công tác thu BHXH, BHYT, BHTN.

Đồng thời thực hiện quy định về phân công, phân nhiệm và lề lối làm việc của đơn vị để các cán bộ, viên chức phát huy sự chủ động sáng tạo trong công việc đối với những lĩnh vực được phân công phụ trách, nâng cao tinh thần trách nhiệm đồng thời nhất thống quan điểm chỉ đạo từ các cấp.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thu BHXH

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý nghiệp vụ BHXH, BHYT, BHTN mang lại rất nhiều lợi ích. Nó giúp giảm chi phí, tạo ra phong cách làm việc khoa học và hiệu quả. Do vậy, ngành BHXH cần áp dụng mạnh mẽ hơn nữa công nghệ thông tin trong quản lý các đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN, quản lý công tác thu BHXH, BHYT, BHTN. Bên cạnh đó còn phải tăng cường về cơ sở vật chất kỹ thuật công nghệ cho các cơ quan BHXH các cấp.

Tuy nhiên, để việc ứng dụng công nghệ thực sự mang lại hiệu quả thì phải có một đội ngũ cán bộ sử dụng thành thạo các phần mềm. Do vậy ngoài việc ứng dụng công nghệ thông tin, BHXH tỉnh Bắc Kạn còn phải chú ý đến công tác đào tạo cán bộ bằng cách:

- Tổ chức các lớp dạy về công nghệ thông tin cho các cán bộ BHXH.
- Cung cấp các tài liệu kèm theo mỗi khi ứng dụng công nghệ mới.
- Cung cấp kinh phí và có kế hoạch để BHXH các cấp tự tổ chức các khóa học về công nghệ mới được ứng dụng trong hoạt động quản lý BHXH.

Hoàn thiện nghiệp vụ cán bộ quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN

Để công tác quản lý thu đạt hiệu quả cao, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động doanh nghiệp và người lao động tham gia BHXH, BHYT, BHTN thì trước hết cần có một đội ngũ cán bộ giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu các chính sách BHXH, BHYT, BHTN, phẩm chất đạo đức chính trị vững vàng, năng động, sáng tạo trong công việc, hiện nay tại BHXH tỉnh Bắc Kạn đa số cán bộ được đào tạo chuyên môn bài bản, chuyên sâu về BHXH, BHYT,

BHTN trong ngành là không nhiều, một số cán bộ được chuyển sang từ các ngành khác như: ngành Lao động, Thương binh và Xã hội, ngành Y tế, Liên đoàn Lao động ... do đó để nâng cao hiệu quả công tác thu BHXH, BHYT, BHTN thì việc tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên là rất cần thiết.

Hơn nữa, trong công tác quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN đòi hỏi người cán bộ phải thường xuyên tiếp xúc với các đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN, phát sinh nhiều tình huống khó khăn trong thực tế, không có trong lý thuyết hay quy định của Luật, đòi hỏi người cán bộ phải có chuyên môn giỏi, lập trường vững vàng, đồng thời phải linh hoạt trong cách xử lý công việc, vì vậy trong việc sử dụng cán bộ cũng đòi hỏi phân công đúng người đúng việc.

Từ những khó khăn trên, đòi hỏi BHXH tỉnh Bắc Kạn phải có các biện pháp để hoàn thiện nghiệp vụ cán bộ quản lý thu như:

- Tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên về BHXH, BHYT, BHTN cho cán bộ công chức BHXH tỉnh Bắc Kạn. Hàng năm, cử các cán bộ trong cơ quan đi học hỏi kinh nghiệm ở các địa phương khác và các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ. Tạo điều kiện cho các cán bộ trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm đi học các lớp chuyên ngành về BHXH, BHYT, BHTN để được đào tạo một cách có hệ thống, bài bản và khoa học.

- Luôn coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, năng lực chuyên môn và ý thức trách nhiệm của cán bộ làm công tác quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN.

- Hiện nay, đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN luôn phát triển theo từng năm, để công tác quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN đảm bảo hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ được giao của ngành BHXH, theo kịp sự phát triển chung của toàn xã hội cần đặc biệt đào tạo các chuyên gia giỏi về tin học, nhất là về phần mềm quản lý, các chuyên gia về chính sách, pháp lý

BHXH, BHYT, BHTN, các cán bộ làm công tác kiểm tra, tính toán số liệu cùng với các phương tiện hiện đại, phương pháp quản lý kinh tế để hoàn thành sự nghiệp chung về BHXH, BHYT, BHTN.

Hoàn thiện công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý thu

Hiện nay, tình trạng chậm đóng, trốn đóng, đóng không đủ số tiền BHXH, BHYT, BHTN diễn ra phổ biến và có chiều hướng tăng lên theo từng năm, bên cạnh đó công tác quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN liên quan đến tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN của từng đơn vị, vì thế các cán bộ quản lý thu BHXH rất dễ mắc phải các sai phạm đạo đức nghề nghiệp khi có sự thông đồng với chủ doanh nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra giám sát thu tại BHXH các huyện, thành phố trong địa bàn tỉnh là yêu cầu cần thiết, nó đảm bảo thu đúng, thu đủ đối tượng thuộc diện theo quy định, bảo tồn nguồn thu BHXH, BHYT, BHTN, tránh làm thất thoát quỹ BHXH, BHYT, BHTN, muốn hoạt động kiểm tra đạt hiệu quả cần phải:

Nắm chắc số đơn vị sử dụng lao động và quỹ tiền lương của từng đơn vị để từ đó thu BHXH, BHYT, BHTN cho đúng và đủ. Tăng số lần kiểm tra, giám sát định kỳ việc nộp BHXH, BHYT, BHTN của các đơn vị. Tránh tình trạng đơn vị khai giảm lao động và quỹ tiền lương để từ đó giảm số thu BHXH, BHYT, BHTN mà đơn vị phải nộp. Nếu phát hiện ra các trường hợp trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN hay lách luật với các hình thức tinh vi, trốn đóng với số tiền lớn bằng cách ký hợp đồng dưới 3 tháng, hợp đồng thời vụ ... thì phải xử lý nghiêm, lập biên bản xử phạt, đồng thời mời các cơ quan chức năng có thẩm quyền như: công an, viện kiểm sát, tòa án nhân dân, UBND, liên đoàn lao động ... để tiến hành đưa đơn vị ra xử lý theo đúng luật định một cách nhanh nhất, nhằm đảm bảo quyền lợi cho NLĐ.

Các phòng nghiệp vụ trong hệ thống BHXH tỉnh kịp thời thanh tra, giải đáp thắc mắc, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN nhằm đảm bảo

quyền lợi của họ theo đúng pháp luật. Sử dụng hình thức kiểm tra chéo giữa các cán bộ, các nhóm làm nhiệm vụ thu BHXH, BHYT, BHTN, sử dụng hòm thư góp ý để doanh nghiệp, người dân hay chính các cán bộ làm công tác BHXH, BHYT, BHTN có thể góp ý về những sai phạm mà cán bộ quản lý thu mắc phải.

Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy chế, lề lối làm việc của cán bộ, công chức thuộc hệ thống BHXH; kịp thời chấn chỉnh và có hình thức xử lý nghiêm đối với bất kỳ cán bộ, viên chức nào có hành vi nhũng nhiễu, phiền hà đối với các đơn vị và cá nhân tham gia và hưởng các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, tiến hành phê bình công khai với những cán bộ mắc phải sai phạm tùy theo mức độ vi phạm.

Để công tác quản lý thu và phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN đạt kết quả tốt, BHXH tỉnh Bắc Kạn cần có sự khen thưởng kịp thời khi cán bộ khai thác được nhiều đối tượng tham gia và quản lý thu đối với các đơn vị được tốt, từ đó mới khuyến khích, động viên và có sự cạnh tranh nâng cao năng lực làm việc của cán bộ. Đồng thời phối hợp với Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh, các huyện, thành phố đưa các tiêu chí làm tốt công tác BHXH, BHYT, BHTN nhằm xét khen thưởng, động viên với các đơn vị, doanh nghiệp thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT, BHTN và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3.1.7. Giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và NLĐ phát triển

Doanh nghiệp phát triển sẽ tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, của đất nước, tăng thu cho ngân sách nhà nước để thực hiện các chính sách xã hội... Với vai trò đó, Nhà nước cũng như các địa phương cũng cần phải có những giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển như:

Đó là các giải pháp nhằm tạo việc làm cho người lao động. Hay nói cách khác, đây là các giải pháp nhằm tác động vào thị trường lao động để tạo ra

nhieu chỗ làm việc cho người lao động. Xây dựng và thực hiện các dự án phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Hiện nay, nền kinh tế của tỉnh Bắc Kạn chủ yếu là sản xuất nông, lâm nghiệp. Tuy nhiên, về nông lâm nghiệp, tỉnh Bắc Kạn lại có rất nhiều lợi thế phát triển các sản phẩm có thương hiệu như miến dong Ba Bể và Na Rì, cam, quýt Quang Thuận, hồng không hạt, khoai tàu, bí đao... Do đó, song song với việc thúc đẩy thành lập các doanh nghiệp, hợp tác xã làng nghề sản xuất, kinh doanh các sản phẩm đặc thù của tỉnh, cần phải có các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp tìm đầu ra, quảng bá sản phẩm đến với các địa phương khác trong cả nước... Có thể nói đầu tư là biện pháp tích cực nhất để tăng số chỗ làm việc cho người lao động, cần tạo ra môi trường thông thoáng, thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư và phát triển. Ngoài ra cần có chính sách phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là vấn đề đào tạo, đào tạo lại để người lao động chủ động tìm kiếm việc làm phù hợp trong thị trường lao động.

Đối với người lao động: Tạo điều kiện cho người lao động tham gia được vào thị trường lao động hoặc có cơ hội quay trở lại thị trường lao động. Bảo hiểm thất nghiệp là một trong các biện pháp hỗ trợ này. Bảo hiểm thất nghiệp một mặt hỗ trợ cho người lao động khi họ bị mất việc làm thông qua các trợ cấp thất nghiệp. Mặt khác bảo hiểm thất nghiệp tạo điều kiện và cơ hội cho người lao động quay trở lại thị trường lao động, thông qua các khóa huấn luyện chuyển nghề, kỹ năng tìm việc làm...

HĐND tỉnh, UBND tỉnh Bắc Kạn theo thẩm quyền đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hoàn thiện thể chế, đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn, điển hình như Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐND ngày 03/4/2015 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số

724/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 phê duyệt kế hoạch đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015 – 2020; Ngày 16/6/2015, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 183/KH-UBND triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong năm 2015 - 2016 trên địa bàn tỉnh. Trong đó đề ra nhiệm vụ: Tập trung thực hiện có hiệu quả 3 khâu đột phá chiến lược gắn với tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh; tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ nhất là ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh...

Hệ thống văn bản trên, cùng với sự triển khai tích cực của các cấp, các ngành là thuận lợi rất lớn để DN hoạt động và phát triển. DN phát triển, có thu nhập ổn định sẽ góp phần hạn chế được việc nợ đọng, trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN, làm gia tăng tỷ lệ người lao động tham gia BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn.

3.1.8. Giải pháp thành lập các tổ chức cơ sở đảng, công đoàn trong DN

Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh Bắc Kạn và Liên đoàn Lao động tỉnh cần phải quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn thành lập tổ chức cơ sở Đảng và tổ chức Công đoàn trong các doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 98/2014/NĐ-CP của Chính phủ; đồng thời đôn đốc các tổ chức này hoạt động có hiệu quả, đảm bảo cho các doanh nghiệp chấp hành nghiêm chỉnh sách pháp luật nói chung và pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN nói riêng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động trong doanh nghiệp.

3.2. Một số kiến nghị

3.2.1. Đối với Chính phủ, và các Bộ, Ngành

Hiện nay theo quy định của Luật BHXH, BHYT, BHTN, doanh nghiệp chỉ phải trích lương cơ bản ghi trong hợp đồng để đóng BHXH, BHYT, BHTN

cho người lao động, mức lương cơ bản này phải lớn hơn hoặc bằng mức lương tối thiểu vùng quy định từng thời kỳ. Nhưng trên thực tế, mức thu theo quy định làm căn cứ đóng BHXH, BHYT, BHTN còn khoảng cách quá xa so với thu nhập thực tế. Kiến nghị Chính phủ, Bộ ngành cần ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật kịp thời; Xây dựng hệ thống BHXH, BHYT, BHTN ngày càng đa dạng, linh hoạt, trong đó quy định tiền lương đóng BHXH, BHYT, BHTN là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác ghi trên hợp đồng lao động góp phần bảo đảm tốt hơn đời sống của người lao động khi nghỉ hưu.

Hiện nay mức xử phạt còn quá thấp so với số tiền mà doanh nghiệp chiếm dụng quỹ BHXH, BHYT, BHTN, hơn nữa các thủ tục để xử phạt còn rườm rà, kiến nghị với Chính phủ điều chỉnh mức phạt và hình thức xử phạt các đơn vị vi phạm trong Luật BHXH, BHYT, BHTN, mức phạt ít nhất cũng phải lớn hơn lãi suất ngân hàng.

Chế tài về xử phạt còn chưa rõ ràng, chưa đủ mạnh và mang tính răn đe. Để khắc phục điều này kiến nghị Chính phủ cần giao cho ngành Thuế thực hiện thu BHXH, BHYT, BHTN cùng với khoản thu thuế đối với các đơn vị, cơ quan BHXH thực hiện giải quyết các chế độ chính sách. Có như vậy, sẽ tránh được việc các đơn vị khai về lương trong hồ sơ tham gia BHXH, BHYT, BHTN khác với hồ sơ khai về lương để nộp thuế, và những vi phạm về BHXH, BHYT, BHTN được xem như vi phạm thuế và sẽ bị xử lý hình sự.

Đề nghị triển khai thực hiện liên thông giữa thủ tục đăng ký kinh doanh của DN với thủ tục đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

3.2.2. Kiến nghị với UBND tỉnh Bắc Kạn

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cải cách thủ tục hành chính, xây dựng hành lang thông thoáng thu hút nhà đầu tư vào sản xuất kinh doanh trên địa bàn tạo được nhiều việc làm cho người lao động.

Chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường kiểm tra các doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện nghiêm túc việc ký thỏa ước lao động tập thể, hợp đồng lao

động theo đúng các nội dung quy định trong Bộ Luật lao động, làm cơ sở cho việc đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN.

Đưa việc thực hiện thu, nộp BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm và bình xét thi đua, khen thưởng, công nhận các danh hiệu thi đua của các đơn vị.

Chỉ đạo các ngành chức năng khi xem xét đăng ký kinh doanh đối với các DN ngoài nhà nước phải có nội dung tham gia BHXH, BHYT, BHTN, yêu cầu các DN thực hiện nghiêm túc các quy định về Hợp đồng lao động và đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ đầy đủ, kịp thời, đúng các quy định.

Chỉ đạo các ngành chức năng thực hiện tốt các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong năm 2015 - 2016 trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 16/6/2015 và nội dung cam kết giữa UBND tỉnh Bắc Kạn và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

3.2.3. Đối với BHXH Việt Nam

Để thực hiện tốt công tác thu BHXH, BHYT, BHTN đối với DN, tăng tỷ lệ người tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại địa bàn tỉnh Bắc Kạn nói riêng và cả nước thì góp một phần quan trọng đó là phải hoàn thiện bộ máy tổ chức BHXH Việt Nam. Qua đó cần bám sát thực tiễn, khắc phục những chông chéo về chức năng, nhiệm vụ, giảm bớt khâu trung gian, bảo đảm sự thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Bên cạnh đó phải kiện toàn đội ngũ cán bộ theo hướng tinh gọn, phân cấp quản lý cho các đơn vị trực thuộc ngày càng được bổ sung và hoàn thiện theo sự phát triển của ngành. Qua đó nhằm bảo đảm việc quản lý và điều hành hoạt động của toàn bộ hệ thống một cách hiệu quả và phù hợp với tiến trình đổi mới của việc cải cách nền hành chính quốc gia.

Để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của hoạt động quản lý quỹ trong giai đoạn tới, có những giải pháp về công tác đào tạo và đào tạo lại đối

với cán bộ, viên chức. Phối hợp với các trường đại học hoàn chỉnh các chuyên ngành đào tạo sâu về BHXH, BHYT, BHTN; Tổ chức tập huấn nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành về quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN cho cán bộ, viên chức trong ngành; củng cố và phát triển Trường Đào tạo nghiệp vụ BHXH, BHYT, BHTN để có đủ khả năng tổ chức, đào tạo cán bộ trong và ngoài ngành phục vụ cho sự nghiệp phát triển của ngành trong thời gian trước mắt và lâu dài.

Để tạo điều kiện về phương tiện, cơ sở vật chất làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức trong ngành, đáp ứng nhu cầu và phù hợp với thực tế hoạt động của ngành theo hướng hiện đại hóa, cần đầu tư và trang bị hệ thống máy tính, công nghệ quản lý hiện đại phù hợp với trình độ quản lý và điều kiện phát triển chung, nâng cao, hoàn chỉnh các phần mềm để tích hợp giữa các chương trình và khả năng dùng chung dữ liệu, dùng chung tài nguyên sẵn có.

Trên cơ sở hệ thống văn bản pháp quy của Nhà nước về BHXH, BHYT, BHTN, BHXH Việt Nam cần rà soát lại toàn bộ hệ thống các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của ngành để bổ sung, sửa đổi hoặc bãi bỏ các quy định, thủ tục không còn phù hợp, tạo ra được một hệ thống các văn bản đồng bộ.

KẾT LUẬN

Chính sách BHXH, BHYT, BHTN của Đảng và nhà nước ta đã và đang phát huy vai trò hết sức to lớn đối với người lao động, góp phần ổn định đời sống của hàng triệu người lao động và gia đình họ khi gặp phải những trường hợp khó khăn về: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, hưu trí hay tử tuất.

BHXH, BHYT, BHTN đã thực sự trở thành trụ cột của hệ thống An sinh xã hội, một công cụ để Nhà nước thực hiện chiến lược xã hội hóa các hoạt động xã hội và từng bước giảm dần sự bao cấp của ngân sách nhà nước thông qua việc xác lập trách nhiệm của người sử dụng lao động và người lao động cũng như sự đóng góp vào quỹ BHXH, BHYT, BHTN từ những nguồn lực khác nhau. Để quỹ BHXH, BHYT, BHTN ngày càng phát triển an toàn và ổn định thì vai trò của công tác quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN là hết sức quan trọng và cần thiết. Làm tốt công tác quản lý thu nói chung, tuyên truyền, vận động các DN thực hiện tham gia và đóng nộp đầy đủ chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ sẽ góp phần đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững quỹ BHXH, BHYT, BHTN; đảm bảo quyền lợi cho người lao động; góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, các doanh nghiệp ngoài nhà nước mặc dù phát triển chưa nhiều, hoạt động chưa ổn định nhưng cũng đóng góp một phần không nhỏ vào quá trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đóng góp vào nguồn thu quỹ BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn. Nhiều doanh nghiệp đã quan tâm thực hiện tốt việc đăng ký tham gia và đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Bên cạnh đó, vẫn còn không ít doanh nghiệp có tình chây ì, trốn đóng, nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động và khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn. Việc quản lý đối tượng thuộc

diện tham gia BHXH, BHYT, BHTN còn bất cập, khó khăn trong việc nắm bắt, quản lý và vận động, yêu cầu đơn vị đăng ký tham gia đầy đủ cho người lao động.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, các DN cũng sẽ ngày càng đông hơn về số lượng DN và NLD, kéo theo đó là công tác quản lý thu đối với doanh nghiệp cũng ngày càng khó khăn, phức tạp hơn. Trong khuôn khổ đề tài, nhóm tác giả đã tập trung nghiên cứu, thu thập tài liệu, số liệu, kết hợp với điều tra, khảo sát để đánh giá được thực trạng tham gia BHXH, BHYT, BHTN của các doanh nghiệp trên địa bàn; phân tích, làm rõ một số yếu tố tác động đến quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN của doanh nghiệp; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ người tham gia BHXH, BHYT, BHTN, thực hiện tốt công tác quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Trong quá trình thực hiện đề tài, do chưa có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học nên đề tài không tránh khỏi một số hạn chế. Rất mong nhận được sự đóng góp của Viện khoa học BHXH và các thành viên Hội đồng nghiệm thu đề tài để chúng tôi tiếp tục hoàn thiện đề tài và tích lũy kinh nghiệm tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học trong thời gian tiếp theo.

Trân trọng cảm ơn!

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Nguyễn Quốc Doanh

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Kạn, Báo cáo tổng kết từ năm 2014, 2015 và báo cáo sơ kết 9 tháng đầu năm 2016;
2. Bộ Chính trị, Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012 - 2020
3. Chính phủ, Nghị định số 92/2011/NĐ-CP ngày 17/10/2011 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BHYT;
4. Chính phủ, Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Nghị định số 88/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015 về việc sửa đổi Nghị định số 95/2013/NĐ-CP;
5. Chính phủ, Nghị định 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 về mức lương tối thiểu vùng năm 2014;
6. Chính phủ, Nghị định 103/2014/NĐ-CP ngày 11/11/2014 về mức lương tối thiểu vùng năm 2015
7. Chính phủ, Nghị định 122/2015/NĐ-CP ngày 14/11/2015 về mức lương tối thiểu vùng năm 2016
8. Chính phủ, Nghị định 98/2014/NĐ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ về quy định việc thành lập tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế;

9. Cục thuế tỉnh Bắc Kạn, Báo cáo tổng kết từ năm 2014, 2015 và báo cáo sơ kết 9 tháng đầu năm 2016;
10. Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn, <https://www.backan.gov.vn>
11. Quốc hội, Luật công ty năm 1990, sau đó là Luật doanh nghiệp năm 1999, năm 2005 và hiện nay là Luật Doanh nghiệp năm 2014;
12. Quốc hội, Luật Việc làm năm 2013;
13. Quốc hội, Luật Bảo hiểm y tế năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014;
14. Quốc hội, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;
15. Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Bắc Kạn, Báo cáo tổng kết từ năm 2014, 2015 và báo cáo sơ kết 9 tháng đầu năm 2016;
16. Từ điển Tiếng Việt;